

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2019



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt	ii
Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	iii
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Lời tựa của Thống đốc	vii
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	x
■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia	3
2. Tổng quan kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	5
2.2. Lao động, thu nhập, năng suất	7
2.3. Diễn biến lạm phát	8
2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước	9
2.5. Cán cân thanh toán	9
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	11
2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng	17
■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	20
1. Điều hành chính sách tiền tệ	20
2. Quản lý ngoại hối	23
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	24
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	28
5. Công tác pháp chế	28
6. Công tác phát hành kho quỹ	30
7. Hoạt động thanh toán	31
8. Hoạt động thông tin tín dụng	33
9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin	36
■ Phần III - Quản trị nội bộ	37
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	37
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	37
3. Công tác nghiên cứu khoa học	39
4. Công tác thống kê	40
5. Công nghệ thông tin	41
■ Phần IV - Hợp tác quốc tế	43
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	43
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	44
3. Quan hệ hợp tác song phương	47
■ Phụ lục	49

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung viết tắt
BoE	Ngân hàng trung ương Anh
BoJ	Ngân hàng trung ương Nhật Bản
CSTT	Chính sách tiền tệ
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CE	Đầu tư đối với nền kinh tế
CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia
CMCN	Cách mạng công nghiệp
DTNHNN	Dự trữ ngoại hối nhà nước
DVTGTT	Dịch vụ trung gian thanh toán
ECB	Ngân hàng trung ương châu Âu
FCD/M2	Tỷ lệ huy động ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
Fed	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
ICOR	Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư
M2	Tổng phương tiện thanh toán
NCG	Cho vay Chính phủ ròng
NDA	Tài sản có trong nước ròng
NFA	Tài sản có nước ngoài ròng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHTW	Ngân hàng trung ương
PBoC	Ngân hàng trung ương Trung Quốc
QPPL	Quy phạm pháp luật
QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
ROA	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
TCTD	Tổ chức tín dụng
TFP	Năng suất các nhân tố tổng hợp
TTĐTLNH	Thanh toán điện tử liên ngân hàng
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

VỊ THẾ, CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

❑ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

❑ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

❑ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hàng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

❑ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hàng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Ông Lê Minh Hưng
Thống đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Thống đốc



Bà Nguyễn Thị Hồng
Phó Thống đốc



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Thống đốc



Ông Đoàn Thái Sơn
Phó Thống đốc



Thống đốc
Lê Minh Hưng

Lời tựa của Thống đốc

Năm 2019, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính 2008-2009; chu kỳ suy giảm tại các nước phát triển diễn ra mạnh mẽ; thương mại toàn cầu sụt giảm; căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; thị trường tài chính tiền tệ và hàng hóa toàn cầu biến động phức tạp; tâm lý lo ngại bao trùm trên các thị trường quốc tế. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu khiến nhiều NHTW thay đổi quan điểm điều hành, chuyển sang nói lỏng CSTT (Fed, ECB, PBoC,...) thông qua việc hạ lãi suất điều hành nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đồng USD tăng giá nhẹ trên thị trường thế giới. Trong nước, khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế chưa được khắc phục triệt để, trong khi thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh (nhất là dịch tả lợn châu Phi) ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Đây là những tác động bất lợi gây khó khăn và thách thức vô cùng lớn đối với công tác điều hành CSTT của NHNN trong việc thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao và kiên định của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ từ các bộ, ngành, NHNN đã bám sát mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ và diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ để điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ, hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, nhất quán mục tiêu xuyên suốt là kiểm soát lạm phát, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng. Các giải pháp điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng của NHNN cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc kiểm soát tốt tiền tệ đã duy trì lạm phát cơ bản bình quân cả năm ở mức 2,01%, tạo dư địa để nền kinh tế có thể hấp thụ các cú sốc bất lợi từ bên ngoài và dư địa để Chính phủ điều chỉnh giá các mặt hàng Nhà nước quản lý. CSTT tiếp tục phối hợp đồng bộ, hài hòa, nhịp nhàng với chính sách kinh tế vĩ mô khác,... đặc biệt trong điều kiện ảnh hưởng phức tạp của dịch bệnh đã giúp kiểm soát lạm phát bình quân cả năm thấp nhất trong 3 năm qua ở mức 2,79% so với mức mục tiêu khoảng 4%. Kết quả này khẳng định niềm tin của thị trường vào khả năng kiểm soát lạm phát của Chính phủ và NHNN.

Thứ hai, việc điều hành CSTT đã góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đạt 7,02%, thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực. NHNN đã triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung ứng vốn tín dụng đủ, kịp thời nhu cầu hợp pháp về vốn cho nền kinh tế, góp phần hạn chế tín dụng đen. Tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ và được khuyến khích vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tạo động lực cho phát triển, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng,

nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế. Tín dụng ngoại tệ tiếp tục được kiểm soát theo đúng lộ trình hạn chế đô la hóa theo chủ trương của Chính phủ; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát; tiếp tục chú trọng đẩy mạnh và tăng cường hiệu quả triển khai các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp.

Thứ ba, việc điều hành đồng bộ các công cụ CSTT đã góp phần nâng cao hiệu quả điều tiết tiền tệ, đảm bảo thanh khoản hệ thống thông suốt và ổn định thị trường tiền tệ; giảm mặt bằng lãi suất thị trường liên ngân hàng, từ đó góp phần giảm mặt bằng lãi suất cho vay đối với nền kinh tế.

Thứ tư, mặt bằng lãi suất thị trường giảm đã tạo dư địa cho nền kinh tế và hệ thống ngân hàng chống đỡ với các biến động phức tạp từ kinh tế - tài chính toàn cầu. Trong bối cảnh nhiều NHTW trên thế giới giảm lãi suất để ứng phó với bất ổn khó lường từ kinh tế, tài chính, tiền tệ toàn cầu; trong nước kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, thị trường tiền tệ, ngoại hối diễn biến thuận lợi, do đó từ tháng 9/2019, NHNN giảm 0,25 điểm phần trăm các mức lãi suất điều hành.

Thứ năm, mặc dù chịu áp lực lớn từ biến động thị trường quốc tế, đặc biệt là căng thẳng thương mại giữa các nước lớn, nhưng thị trường ngoại tệ trong nước được điều hành ổn định, tỷ giá diễn biến linh hoạt phù hợp với điều kiện thị trường và mục tiêu CSTT. Thanh khoản thị trường được đảm bảo, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ, tăng DTNN lên mức kỷ lục, nâng cao tiềm lực tài chính quốc gia và tạo dư địa chống đỡ với các cú sốc từ bên ngoài.

Thứ sáu, công tác cơ cấu lại các TCTD tiếp tục được đẩy mạnh, các giải pháp xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ với các biện pháp kiểm soát phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh. Qua đó, sự ổn định, an toàn của hệ thống TCTD tiếp tục được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm; quy mô hệ thống TCTD tiếp tục tăng; năng lực quản trị điều hành, hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tính minh bạch của TCTD từng bước được nâng cao, dần tiệm cận với thông lệ quốc tế; nợ xấu được kiểm soát và xử lý hiệu quả.

Song song với quá trình đó, NHNN tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động khác nhằm đạt mục tiêu CSTT và quản lý nhà nước về lĩnh vực ngân hàng như: đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán; thực hiện các giải pháp quản lý thị trường vàng; tăng cường cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh công tác truyền thông; phát huy vai trò quản lý của NHNN chi nhánh trên địa bàn các tỉnh, thành phố; đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê, tổ chức, đào tạo, nghiên cứu khoa học, thi đua khen thưởng; tích cực triển khai công tác giám sát tài chính... Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế và phát triển, mở rộng các mối quan

hệ song phương, đa phương với NHTW các nước, các tổ chức tài chính nhằm tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ đối với Việt Nam trên trường quốc tế.

Việc điều hành chủ động, đồng bộ các giải pháp, CSTT và hoạt động ngân hàng năm 2019 tiếp tục đạt được thành công trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động phức tạp, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu và chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, là năm thứ hai liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. Tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu đề ra, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được củng cố; xuất siêu và dự trữ ngoại hối cao kỷ lục; niềm tin của nhà đầu tư và nhân dân vào môi trường kinh doanh được củng cố. Kinh tế vĩ mô ổn định với triển vọng tăng trưởng cao là cơ sở để các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế (Standard & Poor và Fitch Ratings) nâng mức xếp hạng tín nhiệm cũng như triển vọng xếp hạng của Việt Nam.

Năm 2020, khó khăn, thách thức đặt ra cho ngành Ngân hàng còn rất lớn. Song với những kết quả tích cực đạt được trong các năm qua và sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, NHNN tiếp tục cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tin cậy giao phó, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và tạo đà cho Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



LÊ MINH HƯNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Vụ Chính sách tiền tệ

Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện CSTT quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu NHNN và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện CSTT quốc gia.

Vụ Quản lý ngoại hối

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Thanh toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân và hoạt động ngân hàng số theo quy định của pháp luật.

Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.

Vụ Dự báo, thống kê

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.

Vụ Hợp tác quốc tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.

Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN.

Vụ Kiểm toán nội bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc NHNN.

Vụ Pháp chế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Vụ Tài chính - Kế toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của NHNN; quản lý nhà nước về kế toán, tài chính, đầu tư xây dựng công trình của ngành Ngân hàng.

Vụ Tổ chức cán bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng NHNN thực hiện công tác tổ chức và biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.

<i>Vụ Thi đua - khen thưởng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Truyền thông</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của NHNN.
<i>Văn phòng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của NHNN; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Công nghệ thông tin</i>	Giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong NHNN.
<i>Cục Phát hành và Kho quỹ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng NHTW về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Quản trị</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý về tài sản công (không bao gồm tài sản đã giao đơn vị sự nghiệp tự chủ) được Thống đốc giao và công tác quản trị, phục vụ hậu cần của NHNN trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
<i>Sở Giao dịch</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ NHTW.
<i>Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng</i>	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.
<i>Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ NHTW theo ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Viện Chiến lược ngân hàng

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của NHNN và theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng, đăng ký tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro tín dụng và phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của NHNN theo quy định của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về xã hội và hoạt động ngân hàng, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận và diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của NHNN và của ngành Ngân hàng.

Học viện Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền quy định.

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2019, kinh tế toàn cầu tăng chậm dưới tác động của căng thẳng thương mại giữa các nước lớn, nguy cơ Brexit không đạt được thỏa thuận, rủi ro địa chính trị tại nhiều khu vực; thương mại toàn cầu sụt giảm. Mặt bằng lạm phát và giá hàng hóa thế giới ở mức thấp hơn so với cùng kỳ (giá dầu WTI bình quân năm 2019 giảm 12,6%), đồng USD tăng giá nhẹ trên thị trường quốc tế. Các tổ chức quốc tế liên tục điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2019-2020. Trong bối cảnh đó, nhiều NHTW trên thế giới chuyển hướng điều hành CSTT sang nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF),¹ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 đạt 2,9%, thấp hơn mức 3,6% của năm 2018; lạm phát toàn cầu tăng chậm lại, từ mức 3,6% năm 2018 xuống mức 3,5% năm 2019.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,3% (2018: 2,9%), thấp hơn năm 2018 do ảnh hưởng của căng thẳng thương mại cũng như xu hướng tăng chậm lại của toàn cầu, nhưng năm 2019 đã đánh dấu chu kỳ mở rộng của kinh tế Mỹ kéo dài nhất trong lịch sử - 11 năm. Thị trường lao động duy trì tốt (tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 3,9% năm 2018 xuống còn 3,5% cuối năm 2019, mức thấp nhất trong gần 50 năm), nhờ đó thúc đẩy tiêu dùng. Trong bối cảnh triển vọng kinh tế tăng chậm lại, Fed 03 lần giảm lãi suất điều hành xuống mức 1,5-1,75%. Thâm hụt ngân sách kết thúc năm tài khóa 2019 ở mức cao nhất 7 năm, lên tới 984 tỷ USD, tăng 26% so với tài khóa năm 2018, tương đương 4,6% GDP. Nợ công năm 2019 tăng từ mức 106,9% GDP năm 2018 lên 109% GDP. Lạm phát tăng chậm lại, từ mức 2,4% năm 2018 xuống mức 1,8% năm 2019.

Kinh tế khu vực đồng Euro tăng trưởng thấp, chỉ đạt 1,2%, giảm so với mức 1,9% năm 2018, nhịp độ tăng

“

Kinh tế thế giới năm 2019 tăng trưởng chậm dưới tác động của căng thẳng thương mại giữa các nước lớn. Lạm phát toàn cầu và giá hàng hóa thế giới thấp hơn so với cùng kỳ; lạm phát cơ bản các nước thấp hơn mục tiêu.

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu cập nhật tháng 4/2020, IMF.

trưởng chững lại kể từ quý II dưới tác động của căng thẳng thương mại giữa các nước lớn, nguy cơ Brexit hạ cánh cứng... Sản xuất công nghiệp giảm 12 tháng liên tiếp. Các nền kinh tế chủ chốt đều tăng trưởng chậm, cụ thể Đức: 0,6% (2018: 1,5%); Pháp: 1,3% (2018: 1,7%); Italy: 0,3% (2018: 0,8%); Tây Ban Nha: 2,0% (2018: 2,4%). Nợ công giảm nhẹ từ mức 85,9% GDP năm 2018 xuống còn 84,1% GDP năm 2019, tuy nhiên nợ công tại nhiều nước vẫn ở mức cao, đặc biệt là Hy Lạp: 179,2% GDP; Italy: 134,8% GDP. Lạm phát toàn khu vực giảm từ mức 1,8% năm 2018 xuống 1,2% năm 2019. Điểm sáng của kinh tế khu vực là tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 5/2008 (ở mức 7,4% vào cuối năm 2019).

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng ở mức 0,7% (2018: 0,3%). Tăng trưởng chậm dần qua các quý (QI: 0,6%; QII: 0,5%; QIII: 0,1%; QIV: -1,6%) trong đó quý IV ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ quý II/2014 khi tiêu dùng khu vực tư nhân giảm 2,9% - lần đầu tiên giảm trong hơn 1 năm sau khi Chính phủ tăng thuế tiêu dùng vào tháng 10/2019. Hoạt động sản xuất đình trệ, xuất khẩu liên tục sụt giảm do bị ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại giữa các nước lớn. Nợ công ở mức 237,4% GDP (2018: 236,5% GDP). Lạm phát ở mức 0,5% năm 2019, thấp hơn mức 1% năm 2018.

Các nước mới nổi và đang phát triển tăng trưởng chậm. Tăng trưởng năm 2019 của nhóm nước này ở mức 3,7%, thấp hơn mức 4,5% của năm 2018. Trong khối BRICS, kinh tế Trung Quốc có mức tăng trưởng chậm nhất 29 năm trở lại đây, đạt 6,1% (2018: 6,6%) trong bối cảnh nhu cầu nội địa và bên ngoài giảm sút. Lạm phát Trung Quốc tăng từ mức 2,1% năm 2018 lên mức 2,9% năm 2019. Kinh tế Bra-xin tăng trưởng 1,1% (2018: 1,3%). Kinh tế Nga tăng trưởng chậm, chỉ đạt 1,3% (2018: 2,5%) do xuất khẩu giảm trong khi chi tiêu hộ gia đình tăng chậm. Năm 2019, Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới; song tốc độ tăng trưởng chậm lại, đạt 4,2% (2018: 6,1%). Nhóm các nước ASEAN tăng trưởng ở mức 4,8% (2018: 5,2%), trong đó Malaysia và Thái Lan tăng thấp hơn năm 2018 (lần lượt là 4,3%, 2,4% so với



mức 4,7% và 4,2% của năm 2018). Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển tăng từ mức 4,8% năm 2018 lên mức 5% năm 2019.

Thương mại toàn cầu sụt giảm do xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại và căng thẳng thương mại giữa các nước lớn, chỉ tăng 0,9% - mức thấp nhất kể từ năm 2012 (2018: 3,7%). Theo nghiên cứu của WTO, trong giai đoạn từ tháng 10/2018-10/2019, tổng giá trị thương mại bị ảnh hưởng do các thành viên WTO áp dụng các biện pháp hạn chế/bảo hộ thương mại, dự tính khoảng 747 tỷ USD - mức cao nhất kể từ tháng 10/2012, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2018.

1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia

CSTT các nước trong năm 2019 có xu hướng chuyển sang nói lỏng dưới nhiều hình thức nhưng chủ yếu là cắt giảm các mức lãi suất điều hành. Tính cả năm 2019, có 64 NHTW trên thế giới thực hiện 148 lượt hạ lãi suất điều hành.

Đối với các nước phát triển, các NHTW phần lớn chuyển hướng từ thắt chặt CSTT sang điều hành thận trọng trong nửa đầu năm và nói lỏng trong nửa cuối năm để hỗ trợ các mục tiêu kinh tế vĩ mô. Fed hạ lãi suất 3 lần và đưa lãi suất Fed Fund rate về mức 1,5-1,75%; đồng thời chấm dứt Chương trình thu hẹp bảng cân đối tài sản nhằm đưa lạm phát trở lại mức mục tiêu 2% và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh xung đột thương mại với Trung Quốc leo thang. ECB hạ nhẹ mức lãi suất tiền gửi của các NHTM tại ECB và tái khởi động Chương trình mua tài sản. NHTW New Zealand và Australia lần lượt cắt giảm lãi suất điều hành 02 và 03 lần với tổng mức cắt giảm 0,75%. BoE, BoJ tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành để hỗ trợ nền kinh tế trước những tình hình phức tạp trên thế giới và tiến trình Brexit còn nhiều khó khăn.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, Trung Quốc suy giảm tăng trưởng kinh tế, các quốc gia mới nổi và đang phát triển cũng chọn phương án nói lỏng

“

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, nhiều NHTW chuyển hướng điều hành sang nói lỏng CSTT để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

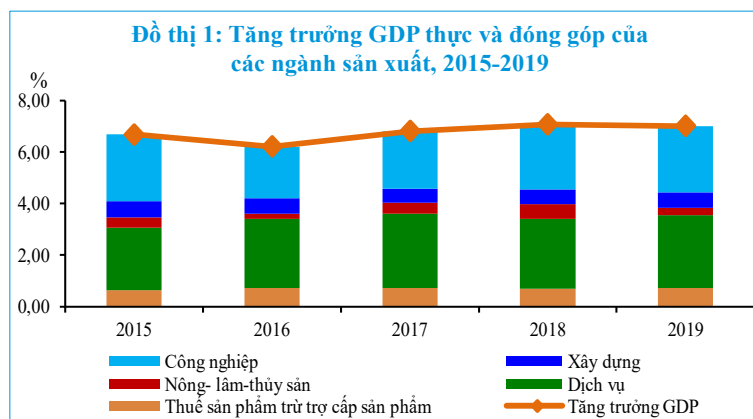
CSTT để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong nước. PBoC cũng hạ dự trữ bắt buộc và thực hiện tái cấu trúc chính sách lãi suất để tăng cường hiệu lực truyền dẫn CSTT, sử dụng các công cụ tái cấp vốn nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế.

2. Tổng quan kinh tế Việt Nam

Năm 2019, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Trong nước, thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân. Tuy nhiên, với phương châm hành động “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bất phá, hiệu quả*”, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP, quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; trong đó, kiên định mục tiêu “*ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát... tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế*”; tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, tiết giảm chi phí, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nỗ lực cơ cấu lại nền kinh tế; khơi thông các nguồn lực; thúc đẩy đầu tư xã hội, khuyến khích mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế tạo động lực tăng trưởng bền vững... Nhờ đó, năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu đề ra, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được củng cố; xuất siêu và DTNHNN đạt mức cao kỷ lục; niềm tin của nhà đầu tư và người dân vào môi trường kinh doanh được củng cố - là cơ sở để Standard & Poor và Fitch Ratings nâng mức xếp hạng tín nhiệm cũng như triển vọng xếp hạng đối với Việt Nam. Bên cạnh những thành tựu đạt được, còn một số tồn tại, thách thức như tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn chưa cao; khu vực nông nghiệp còn nhiều khó khăn, bất trắc do thiên tai, dịch họa (dịch tả lợn châu Phi, hạn hán và xâm nhập mặn); việc xử lý nợ xấu, cơ cấu lại các NHTM yếu kém còn nhiều thách thức.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo lĩnh vực kinh tế, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có mức tăng cao hơn cùng kỳ. Tuy nhiên, khu vực nông - lâm - thủy sản có mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm gần đây do hạn hán, biến đổi khí hậu và thiệt hại do dịch tả lợn châu Phi



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Nông - lâm - thủy sản tăng 2,01% - thấp nhất trong 3 năm gần đây, chủ yếu do sụt giảm của ngành nông nghiệp (tăng 0,61%, thấp hơn so với mức bình quân 2,39% giai đoạn 2011-2018) trong bối cảnh hạn hán, nắng nóng kéo dài và thiệt hại từ dịch tả lợn châu Phi. Trong khi đó, ngành lâm nghiệp và thủy sản vẫn có mức tăng trưởng ổn định.

Công nghiệp tăng 8,86% - cao nhất trong 4 năm gần đây, chủ yếu do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì tăng trưởng cao và sự phục hồi của ngành khai khoáng. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,29%, thấp hơn tăng trưởng giai đoạn 2017-2018 nhưng cao hơn tăng trưởng bình quân giai đoạn 2012-2016 (9,23%). Ngành khai khoáng có mức tăng trưởng dương (1,29%) sau 3 năm suy giảm, nhờ khai thác than tăng cao bù đắp cho sự sụt giảm của khai thác dầu thô.

Xây dựng tăng 9,1%, tương đương mức tăng của năm 2018, chủ yếu nhờ vốn đầu tư duy trì mức tăng khá. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10,2% (2018: 11,2%) do vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước tăng 17,3%

“

Tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,02%, mặc dù thấp hơn năm 2018 nhưng cao hơn giai đoạn 2011-2017 và vượt mục tiêu đề ra. Khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng cao hơn cùng kỳ trong khi khu vực nông - lâm - thủy sản có mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm gần đây. Về phía cầu, cầu nội địa là yếu tố chính đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Xuất, nhập khẩu chậm lại đáng kể do ảnh hưởng của thương mại toàn cầu. Kinh tế vĩ mô ổn định, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả đầu tư cải thiện, năng suất lao động từng bước được nâng cao.

(2018: 18,5%), trong khi khu vực Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng thấp hơn cùng kỳ.

Dịch vụ tăng 7,3%, cao hơn năm 2018 (7,03%) chủ yếu do lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tăng 8,82% - cao nhất trong 4 năm qua; vận tải kho bãi tăng 9,12% - mức tăng cao nhất trong vòng 11 năm qua và là ngành có mức tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,71% (số lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt khoảng 18 triệu lượt người, tăng 16,2% so với năm 2018); hoạt động kinh doanh bất động sản tiếp tục cải thiện, tăng 4,61%.

Cầu nội địa (đầu tư và tiêu dùng) là yếu tố chính đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu ròng đóng góp âm vào tăng trưởng

Tiêu dùng cuối cùng tăng 7,23%, cao hơn năm 2018 (7,17%), chủ yếu do tiêu dùng tư nhân tăng 7,36% - cao nhất trong vòng 4 năm qua, tiêu dùng khu vực nhà nước tăng 5,8%.

Tổng tích lũy tài sản tăng 7,91% tương ứng với việc vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện tăng 10,2%. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện của khu vực Nhà nước tăng rất thấp 2,6%, phản ánh việc chậm giải ngân vốn đầu tư công. Khu vực ngoài Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng khá, tương ứng là 17,3% và 7,9%. Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều động lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của nền kinh tế được cải thiện (Hệ số ICOR giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018; năm 2019 ước đạt 6,07). Bình quân giai đoạn 2016-2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn giai đoạn 2011-2015 (6,25%).

Xuất khẩu ròng đóng góp âm vào tăng trưởng kinh tế (âm 2,65 điểm phần trăm). Trong đó, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 6,71% (2018: 14,27%); nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,35% (2018: 12,81%). Hoạt động xuất nhập khẩu năm 2019 chậm lại do một số mặt hàng gặp khó khăn về thị trường và giá bán, một số ngành là động lực của xuất khẩu không duy trì được tốc độ tăng trưởng, gặp khó khăn trong bối cảnh một số nước gia

tăng các biện pháp hạn chế và phòng vệ thương mại, bảo hộ sản xuất trong nước.

2.2. Lao động, thu nhập, năng suất

Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên cả nước năm 2019 ước tính 55,8 triệu người, tăng 417,1 nghìn người so với năm 2018; bao gồm: lao động nam 29,1 triệu người, chiếm 52,2%; lao động nữ 26,7 triệu người, chiếm 47,8%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,16%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,10%; khu vực nông thôn là 1,65% (2018: lần lượt là 2,19%, 3,10% và 1,73%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2019 ước tính là 6,39%, trong đó khu vực thành thị là 10,24%; khu vực nông thôn là 4,83%.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao. Cùng với việc tăng năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng đã được cải thiện: năm 2019, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%; bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%/năm, cao hơn bình quân 33,58%/năm của giai đoạn 2011-2015.

Quy mô nền kinh tế năm 2019 đạt 267 tỷ USD; GDP bình quân đầu người là 2.715 USD. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương cơ sở được điều chỉnh theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 tăng từ 1,39 triệu đồng/tháng lên 1,49 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2019; mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được điều chỉnh tăng từ ngày 01/01/2019. Theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, tương ứng 4,18 triệu đồng/tháng; 3,71 triệu đồng/tháng; 3,25 triệu đồng/tháng và 2,92 triệu đồng/tháng.

“

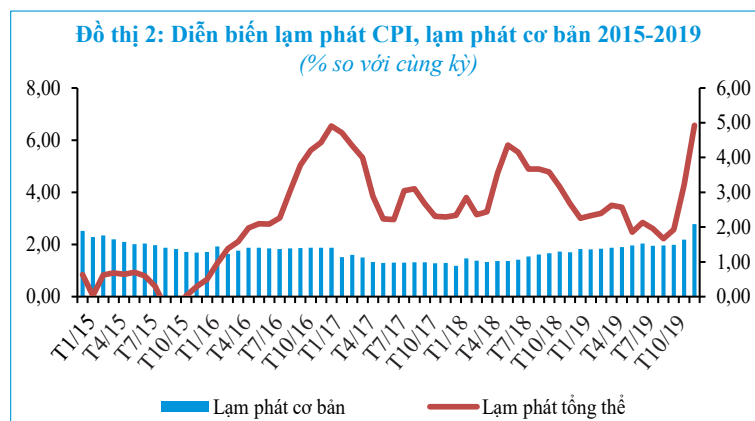
Tỷ lệ thất nghiệp giảm, thu nhập bình quân đầu người năm 2019 là 2.715 USD.

2.3. Diễn biến lạm phát

“

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,79%, là mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm gần đây và là năm thứ 4 liên tiếp ở mức thấp hơn so với mục tiêu của Quốc hội. Lạm phát cơ bản ổn định, bình quân ở mức 2,01%.

Mặc dù những tháng cuối năm lạm phát trong nước chịu nhiều sức ép từ giá thực phẩm (thịt lợn) tăng cao khi dịch tả lợn châu Phi bùng phát,² nhưng CPI bình quân cả năm 2019 chỉ tăng 2,79% so với năm 2018, là mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm gần đây và phù hợp với mục tiêu khoảng 4% của Quốc hội. Nguyên nhân chủ yếu do: **(i)** Giá một số hàng hóa, dịch vụ Nhà nước quản lý tiếp tục được điều chỉnh tăng theo lộ trình nhưng mức độ điều chỉnh thấp hơn so với mức điều chỉnh các năm trước. Theo đó, chỉ số giá nhóm Dịch vụ y tế tăng 4,65% (năm 2016-2018 tăng tương ứng là 38,15%, 57,91% và 13,86%); chỉ số giá nhóm Dịch vụ giáo dục tăng 6,11% (năm 2016-2018 tăng tương ứng là 7,11%, 10,42% và 7,12%); **(ii)** Giá nhiên liệu, chất đốt trong nước (xăng dầu, gas,...) giảm mạnh theo giá thế giới. Trong đó, giá xăng dầu bình quân cả năm 2019 giảm 3,14% làm chỉ số giá nhóm Giao thông giảm 1,04%; giá gas giảm 5,97% nên mặc dù giá điện bình quân tăng 8,38% nhưng chỉ số giá nhóm Nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng chỉ tăng 3,03% (năm 2018 tăng 3,32%); **(iii)** Với sự quyết tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ trong điều hành thị trường, kiểm soát giá, lạm phát của các bộ, ngành, địa phương, cân đối cung - cầu thị trường hàng hóa được đảm bảo, mặt bằng giá cả hàng hóa không có biến động lớn; **(iv)** Điều hành CSTT phù hợp và kiên định của NHNN đã neo giữ kỳ vọng lạm phát.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

² Bình quân cả năm 2019, giá thịt lợn tăng 11,79% khiến giá nhóm Thực phẩm tăng 5,08%.



Theo đó, lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,01%, tiếp theo xu hướng ổn định của lạm phát cơ bản trong những năm qua (dưới 2%), tạo dư địa để Chính phủ tiếp tục điều chỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý.

2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước

Tổng thu cân đối Ngân sách Nhà nước theo dự toán của Quốc hội năm 2019 vượt 3,3% so với dự toán, đạt khoảng 24,1% GDP (2018: vượt 8% dự toán, tương đương 25,72% GDP). Thu ngân sách trung ương vượt dự toán nhờ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu ngân sách địa phương vượt dự toán chủ yếu nhờ vượt thu tiền sử dụng đất. Thu nội địa tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu ngân sách (82%), vượt dự toán 1,9% (2018: 4,5%). Thu dầu thô vượt dự toán 4,9% (2018: vượt 84%). Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu vượt 11,5% dự toán (2018: vượt 13,2%).

Tổng chi cân đối Ngân sách Nhà nước vượt dự toán 2,1% (2018: vượt 6,1%). Trong đó, chi đầu tư phát triển vượt 3% dự toán (2018: vượt 2,9%); chi thường xuyên vượt 0,7% dự toán (2018: vượt 1,4%).

Bội chi Ngân sách Nhà nước thấp hơn dự toán cả về giá trị tuyệt đối và tương đối, đạt 209.500 tỷ đồng, tương đương 3,4% GDP (2018: 3,46% GDP).

2.5. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán tổng thể năm 2019 thặng dư cao kỷ lục, đạt 23,25 tỷ USD. Đây là năm thứ 4 liên tiếp cán cân thanh toán tổng thể thặng dư. Trong bối cảnh thanh khoản VND được đảm bảo, nguồn cung ngoại tệ thị trường dồi dào, nhờ đó, NHNN đã mua được ngoại tệ từ các TCTD để tăng DTNN.

Cán cân vãng lai thặng dư kỷ lục 13,14 tỷ USD (tương đương 5,02% GDP), tăng mạnh so với năm 2018 (5,77 tỷ USD) do hầu hết các hạng mục đều diễn biến thuận lợi, đặc biệt cán cân hàng hóa thặng dư cao hơn dự kiến, chuyển tiền kiều hối phục hồi và thu từ dịch vụ du

“

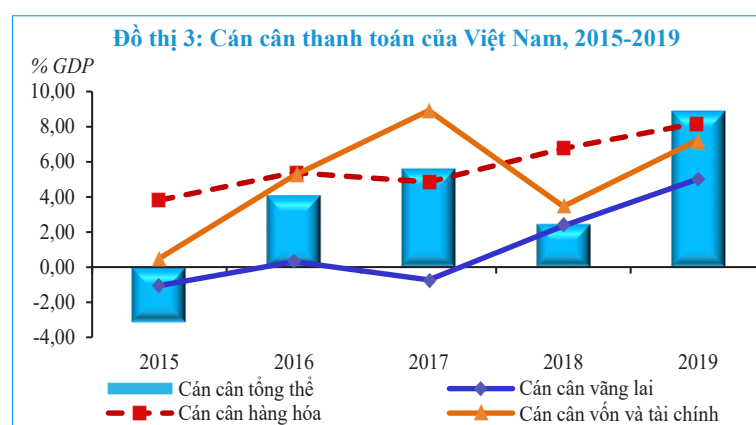
Năm 2019, thu chi Ngân sách Nhà nước tăng nhẹ so với dự toán, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội. Tiến độ thu cao hơn tiến độ chi, bội chi Ngân sách Nhà nước thấp hơn dự toán.

“

Cán cân thanh toán tổng thể tiếp tục thặng dư và là năm thứ 4 liên tiếp thặng dư do kinh tế trong nước tăng trưởng tốt, cán cân thương mại thặng dư cao, các luồng vốn đầu tư nước

ngoài tiếp tục tăng, tạo điều kiện thuận lợi tăng DTNHNN.

lịch tăng khá. Cán cân hàng hóa³ thặng dư 21,5 tỷ USD (2018: 16,54 tỷ USD). Cán cân thương mại⁴ thặng dư 11,1 tỷ USD nhờ xuất khẩu tăng trưởng cao hơn nhập khẩu. Cán cân dịch vụ thâm hụt 2,48 tỷ USD, giảm mạnh 34,9% so với mức thâm hụt của năm 2018. Đây là mức thâm hụt thấp nhất kể từ năm 2013 do xuất khẩu dịch vụ tăng cao (tăng 12,6%) nhưng nhập khẩu dịch vụ chỉ tăng nhẹ (tăng 2,9%). Cán cân thu nhập thâm hụt 15,12 tỷ USD, giảm 4,4% so với mức thâm hụt 15,82 tỷ USD của năm 2018. Chuyển giao vãng lai thặng dư 9,24 tỷ USD, tăng 4,3% so với mức thặng dư 8,86 tỷ USD của năm 2018.



Nguồn: NHNN

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 18,96 tỷ USD, tăng mạnh so với mức thặng dư 8,46 tỷ USD của năm 2018 chủ yếu do các luồng FDI, vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vẫn duy trì mức thặng dư ổn định, vay nợ nước ngoài ròng tăng mạnh mức thặng dư. FDI ròng thặng dư 15,67 tỷ USD, tăng 5,2% so với năm 2018. Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn diễn biến phức tạp, rủi ro địa chính trị tăng cao,... chứng khoán Việt Nam vẫn là điểm sáng thu hút dòng vốn ngoại trong năm 2019, vốn đầu tư gián tiếp ròng vào Việt Nam vẫn thặng dư 3 tỷ USD, giảm không đáng kể so với mức thặng dư 3,02 tỷ USD của năm 2018. Vay nợ nước ngoài thặng dư 5,22 tỷ USD, tăng mạnh so với mức thặng dư 1,88 tỷ USD của năm 2018, vay nợ nước ngoài ròng tăng ở tất cả các kỳ

³ Cán cân hàng hóa là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá FOB.

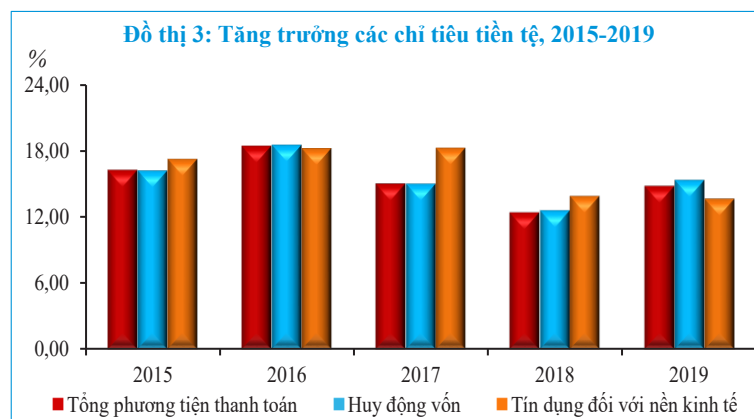
⁴ Cán cân thương mại là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá CIF.

hạn. Tiền và tiền gửi thâm hụt 5,22 tỷ USD, cải thiện so với mức thâm hụt 11 tỷ USD của năm 2018.

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

Tính đến cuối năm 2019, M2 tăng 14,78% so với cuối năm 2018, cao hơn mức tăng 12,41% của năm 2018 do NFA tăng trong khi NDA tiệm cận mức tăng của năm 2018. Cụ thể, NFA tăng 38,38% (2018: 21,8%) do tài sản có nước ngoài tăng 35,43% (2018: 17,36%). Trong khi NDA tăng chậm hơn 10,05% (2018: 10,7%) do NCG giảm mạnh 45,7% (2018: -14,95%) bởi lượng tiền gửi VND của Kho bạc Nhà nước tại hệ thống ngân hàng tăng mạnh và các khoản khác ròng giảm 21,99% (2018: 4,71%), mặc dù khoản mục CE tăng 12,84% (2018: 12,72%).



Nguồn: NHNN

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tăng cao nhất trong 3 năm, chủ yếu do huy động vốn VND tăng khá

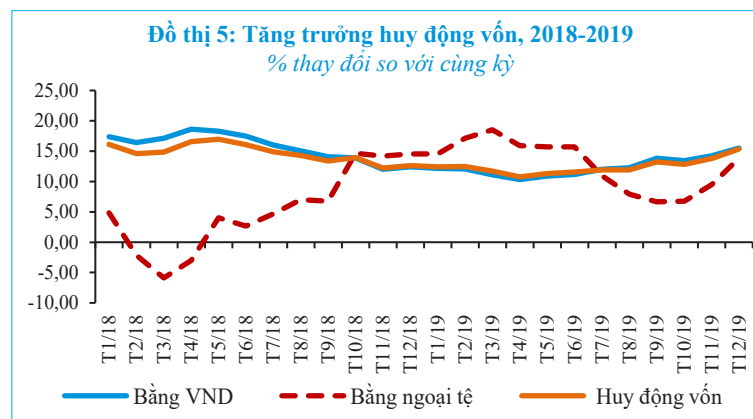
Tăng trưởng huy động toàn hệ thống năm 2019 đạt 15,37% (2018: 12,61%; 2017: 15,02%); trong đó, huy động VND tăng 15,52% (2018: 12,41%), huy động ngoại tệ tăng chậm lại 13,85% (2018: 14,57%). Tỷ lệ FCD/M2 đạt mức 8,09%, giảm so với năm 2018 (8,16%); so với bình quân giai đoạn 2012-2015 (11,75%/năm) và bình quân giai đoạn 2007-2011 (19,14%/năm).

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục giảm nhẹ trong

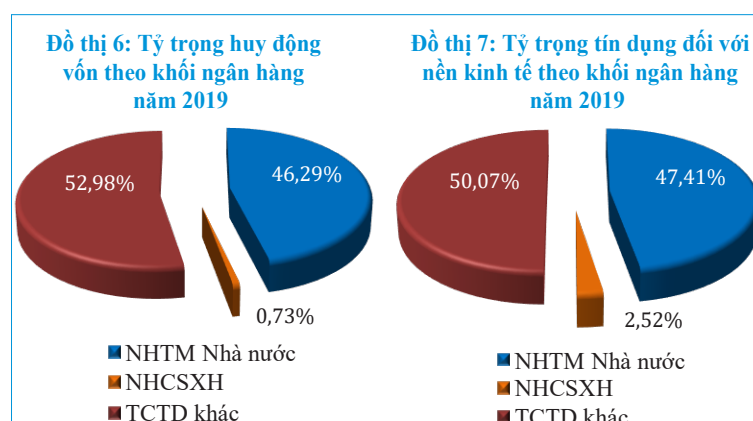
“

Tổng phương tiện thanh toán được điều tiết hợp lý, góp phần kiểm soát lạm phát. Huy động vốn tăng khá; tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế và chủ trương, định hướng điều hành CSTT, qua đó góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

khi nhóm TCTD khác tăng, cụ thể: Huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước chiếm 46,29% huy động toàn hệ thống (2018: 47,23%); Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 0,73% huy động toàn hệ thống (2018: 0,79%); nhóm các TCTD khác⁵ chiếm 52,98% (2018: 51,98%).



Nguồn: NHNN



Nguồn: NHNN

Tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, phù hợp với chủ trương kiểm soát tín dụng ngay từ đầu năm, góp phần kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

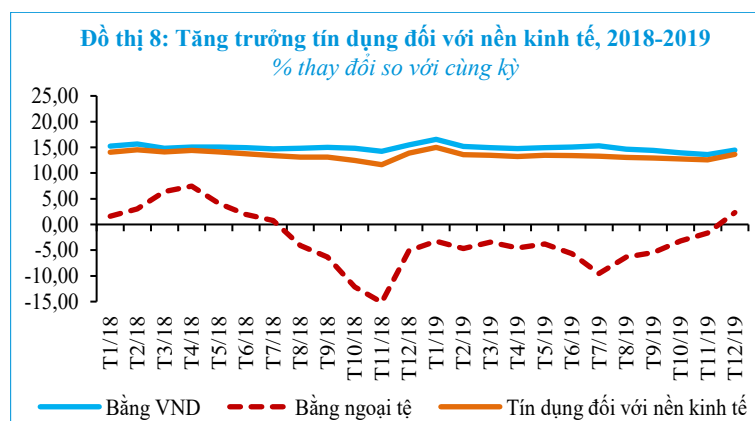
Tín dụng đối với nền kinh tế tăng 13,65% so với cuối năm 2018 (2018: 13,89%); trong đó, tín dụng VND

⁵ Gồm NHTM trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính), QTDND, Ngân hàng Hợp tác xã.

⁶ Dư nợ tín dụng không bao gồm số dư cấp tín dụng theo hợp đồng nhận ủy thác và số dư trái phiếu đặc biệt VAMC.

tăng 14,44% và tín dụng ngoại tệ tăng nhẹ 2,33%. Tín dụng ngoại tệ được kiểm soát phù hợp với chủ trương hạn chế đô-la hóa nền kinh tế của Chính phủ; tỷ lệ tín dụng ngoại tệ trên M2 giảm mạnh từ 18,09% năm 2011 xuống 6,74% năm 2016 và 4,55% năm 2019. Tín dụng đối với nền kinh tế được TCTD tập trung phân bổ chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần hỗ trợ kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Cơ cấu tín dụng đối với nền kinh tế có xu hướng tăng nhẹ đối với khối TCTD khác trong khi giảm ở khối NHTM Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội: Dư nợ tín dụng của nhóm NHTM Nhà nước chiếm 47,4% dư nợ toàn hệ thống (2018: 48,3%); Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 2,52% (2018: 2,6%); nhóm các TCTD khác chiếm 50,07% (2018: 49,09%).



Nguồn: NHNN

Diễn biến lãi suất

Lãi suất VND

Năm 2019, mặt bằng lãi suất thị trường cơ bản ổn định và có xu hướng giảm ở một số kỳ hạn, phù hợp với động thái điều hành của NHNN. Đến cuối năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động phổ biến ở mức 0,2-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 5,5-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 6,6-7,5%/năm. Lãi suất cho vay của các TCTD phổ biến ở mức

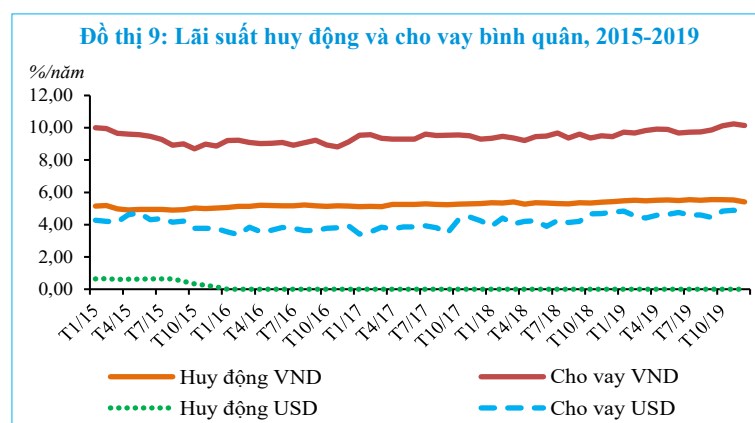
“

Mặt bằng lãi suất thị trường cơ bản ổn định.

khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, trung-dài hạn khoảng 9-11%/năm.

Lãi suất USD

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của NHNN về hạn chế đô-la hóa nền kinh tế. Đến cuối năm 2019, lãi suất huy động USD của các TCTD ở mức 0%/năm theo quy định của NHNN; lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3,0-4,7%/năm và lãi suất cho vay trung, dài hạn phổ biến ở mức 4,5-6,0%/năm.



Nguồn: NHNN

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng, đặc biệt là hoạt động cho vay, gửi tiền

“

Lãi suất liên ngân hàng giảm, quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng.

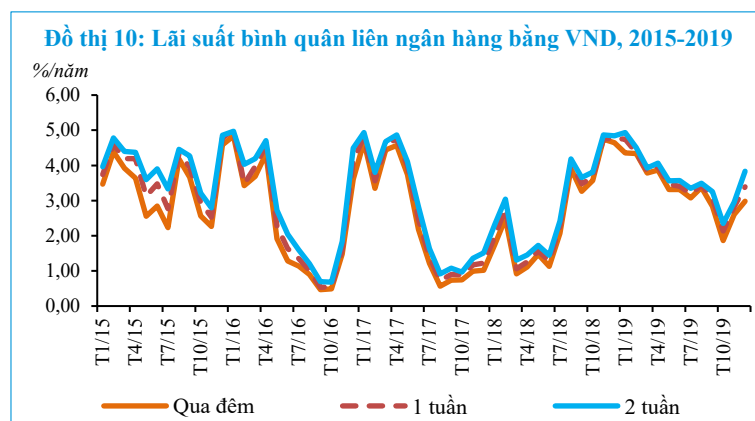
Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 14.517 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND là 6.728 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 65,6% và 40,4% so với tổng doanh số của năm 2018. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô nhỏ hơn với doanh số đạt 724 nghìn tỷ đồng trong năm 2019.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2019 tiếp tục chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, tập trung nhiều vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 9.189 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt 4.477 nghìn

tỷ đồng, lần lượt chiếm 63,3% và 66,6% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

Lãi suất liên ngân hàng giảm

Năm 2019, lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm do thanh khoản toàn hệ thống dồi dào nhờ bổ sung nguồn tiền VND từ các TCTD bán ngoại tệ cho NHNN. Tính bình quân cả năm, lãi suất VND kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần lần lượt ở mức 3,30%/năm, 3,49%/năm và 3,65%/năm.



Nguồn: NHNN

Diễn biến thị trường ngoại tệ

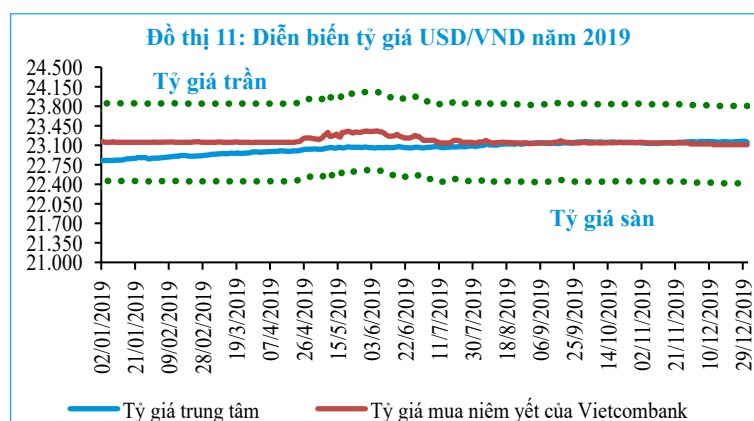
Năm 2019, thị trường ngoại tệ tương đối ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu mua, bán ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ bổ sung DTNHNN. Trong một số giai đoạn (từ tháng 5-8/2019), tỷ giá có xu hướng tăng khi thị trường phản ứng trước một số diễn biến quốc tế; tuy nhiên, tỷ giá thị trường liên ngân hàng tăng cao nhất chỉ trong khoảng 1,2% so với cuối năm 2018, đây là mức biến động thấp hơn nhiều so với mức biến động của các đồng tiền khác trong khu vực. Đến cuối năm 2019, tỷ giá trung tâm tăng 1,45% so với cuối năm 2018, tỷ giá giao dịch USD/VND trên thị trường liên ngân hàng giảm 0,14%.

Thị trường ổn định là nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô trong nước vững chắc, nguồn cung ngoại tệ dồi dào cùng với việc NHNN điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT; cơ chế tỷ giá trung tâm tiếp tục phát huy hiệu

“

Mặc dù một số giai đoạn chịu nhiều áp lực từ các biến động lớn trên thị trường quốc tế, thị trường ngoại tệ trong nước năm 2019 tương đối ổn định nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc và các giải pháp điều hành CSTT chủ động, linh hoạt của NHNN.

quả trong việc hấp thụ các cú sốc bên ngoài và giảm tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ.



Nguồn: NHNN

Diễn biến giá vàng

“

Giá vàng trong nước tăng theo giá vàng quốc tế nhưng biến động trong biên độ hẹp hơn.

Năm 2019, những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới khiến giá vàng quốc tế tăng mạnh, đặc biệt là trong 6 tháng cuối năm (đến cuối năm 2019, ở mức 1.524 USD/oz, tăng khoảng 19% so với năm 2018). Trong nước, giá vàng biến động cùng chiều với giá vàng quốc tế với tốc độ chậm hơn. Chênh lệch giá vàng quốc tế và trong nước ở mức thấp, một số thời điểm giá vàng trong nước thấp hơn giá vàng quốc tế. Đến cuối năm 2019, giá vàng trong nước ở mức 42,36/42,79 triệu đồng/lượng, tăng khoảng 16,7% so với đầu năm 2019.

Thị trường chứng khoán

“

Thị trường chứng khoán phục hồi trong quý I, sau đó biến động hẹp trong giai đoạn còn lại của năm.

Thị trường chứng khoán trong quý I/2019 phục hồi so với năm 2018 khi thị trường chứng khoán toàn cầu tăng trưởng. Tuy nhiên, kể từ sau quý I, thị trường trong nước thiếu các động lực bứt phá dẫn đến các chỉ số biến động trong biên độ hẹp. So với cuối năm 2018, VN-Index đạt 960,99 điểm, HNX-Index đạt 102,51 điểm, UPCoM-Index đạt 56,56 điểm, lần lượt tăng 7,67%, -1,65% và 7,06%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường cổ phiếu đạt 4.383.580 nghìn tỷ đồng, tương đương 72,61% GDP (2018: 71,49% GDP), tăng 10,66% so với cuối năm 2018. Về thanh khoản thị trường, trong năm 2019, giá trị giao dịch trên cả sàn HOSE và HNX đều giảm do thị trường thiếu các yếu tố đột biến. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên HOSE, HNX lần lượt đạt 4.438 và 410 tỷ đồng, giảm tương ứng 19,4% và 48,43% so với trung bình

năm 2018. Trong năm 2019, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng cổ phiếu khoảng 7.400 tỷ đồng, giảm so với mức gần 44.000 tỷ đồng của năm 2018.

2.7. Hoạt động của các TCTD

Tính đến cuối năm 2019, hệ thống TCTD tại Việt Nam gồm 04 NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 03 ngân hàng mua bắt buộc; 01 ngân hàng Chính sách xã hội; 01 ngân hàng Phát triển; 28 NHTMCP; 02 ngân hàng liên doanh; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 49 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 26 công ty tài chính, cho thuê tài chính; 01 ngân hàng Hợp tác xã; 1.182 QTDND và 04 tổ chức tài chính vi mô.

Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam (đến 31/12/2019)

STT	Loại hình	2018	2019
1	NHTM Nhà nước	4	4
2	Ngân hàng mua bắt buộc	3	3
3	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	1
4	Ngân hàng Phát triển	1	1
5	NHTM cổ phần	28	28
6	Ngân hàng liên doanh	2	2
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	9	9
8	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	49	49
9	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng	26	26
10	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	1	1
11	QTDND	1.183	1.182
12	Tổ chức tài chính vi mô	4	4

Nguồn: NHNN

Năng lực tài chính của các TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tiếp tục tăng

Năm 2019, hệ thống TCTD tiếp tục đạt kết quả tích cực: năng lực tài chính, chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu đều được nâng cao; thanh khoản hệ thống được duy trì ổn định; ý thức tuân thủ pháp luật và chất lượng quản trị, điều hành có nhiều cải thiện; tình trạng sở hữu chéo, cấp tín dụng vượt giới hạn được cơ bản xử lý, kết quả kinh doanh của các TCTD cải thiện. Đến cuối năm 2019, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 12,58 triệu tỷ đồng, tăng 13,69%



Các TCTD tiếp tục nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế. Hệ số sinh lời tăng so với năm 2018, thanh khoản tiếp tục được đảm bảo, chất lượng tín dụng được nâng cao.

so với cuối năm 2018; tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 612,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,24% so với cuối năm 2018; vốn tự có toàn hệ thống đạt 911,7 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% so với cuối năm 2018.

Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản

Loại hình TCTD	Tổng tài sản có		Vốn tự có		Vốn điều lệ		Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%)	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (%)
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
NHTM Nhà nước	5.439.691	11,85	320.024	19,15	155.153	4,91	10,19	29,59
Ngân hàng Chính sách xã hội	213.260	8,88			17.288	24,44		
NHTMCP	5.212.516	14,44	368.579	8,99	284.698	6,54	10,52	31,01
NH liên doanh, nước ngoài	1.345.869	18,41	182.664	12,16	120.769	6,42	24,07	
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	205.260	22,31	36.373	11,69	26.639	0,82	17,80	34,71
Ngân hàng Hợp tác xã	35.719	10,15	4.091	3,68	3.028	0,04	19,46	30,38
QTDND	126.498	11,78			4.713	7,49		
Toàn hệ thống	12.578.812	13,69	911.731	13,10	612.288	6,24	11,95	27,02

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo cân đối tài khoản kế toán, báo cáo thống kê tháng 12/2019;
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Không bao gồm tổ chức tài chính vi mô;
- Số liệu cột (4), (5), (8), (9) không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội (không thuộc đối tượng báo cáo) và QTDND;
- Vốn tự có, tỷ lệ CAR đã loại bỏ các TCTD có vốn tự có âm;
- Chỉ tiêu tổng tài sản có tính theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN;
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn của khối ngân hàng liên doanh, nước ngoài không có giá trị do khối này không sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn.

Kết quả kinh doanh của các TCTD tiếp tục được cải thiện. Đến cuối năm 2019, ROA và ROE toàn hệ thống lần lượt là 1,01% và 12,95%, tăng so với năm 2018 (năm 2018 lần lượt là 0,9% và 11,8%). Tỷ lệ CAR của hệ thống cuối năm 2019 đạt 11,95.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD

Đơn vị: %

	ROA	ROE
NHTM Nhà nước	0,88	15,94
Ngân hàng Chính sách xã hội	0,15	0,79
NHTM cổ phần	1,07	14,00
NH liên doanh, nước ngoài	1,13	8,02
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	3,32	17,51
Ngân hàng Hợp tác xã	0,56	5,10
QTDND	0,79	11,90
Toàn hệ thống	1,01	12,95

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo tài chính năm 2019;
- Không bao gồm các TCTD vi mô;
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Loại bỏ các TCTD có Vốn chủ sở hữu âm khi tính ROA, ROE.

Thanh khoản hệ thống tiếp tục được đảm bảo, chất lượng tín dụng được nâng cao

Rủi ro thanh khoản: Thanh khoản toàn hệ thống được đảm bảo, các giao dịch ngoại tệ diễn ra thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Rủi ro tín dụng: Các giải pháp xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ cùng với các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh, qua đó nâng cao chất lượng tín dụng và giảm tỷ lệ nợ xấu của hệ thống. Đến cuối tháng 12/2019, nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD tiếp tục được kiểm soát và duy trì ở mức 3% (tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến 31/12/2019 là 1,63%). Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của hệ thống TCTD đến tháng 12/2019 ở mức 4,43%, giảm mạnh so với mức 10,08% cuối năm 2016, 7,36% cuối năm 2017 và 5,85% cuối năm 2018.

Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 08/01/2019, theo đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2019: “Điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2019 bình quân dưới 4%; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Năm 2019, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 13%; tín dụng tăng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế”.

1. Điều hành CSTT

Điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng nghiệp vụ thị trường mở, điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá và tăng DTNHNN

“

CSTT được điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; đồng thời bảo đảm thanh khoản hệ thống, duy trì ổn định thị trường tiền tệ.

Bám sát diễn biến thị trường tiền tệ và tình hình vốn khả dụng của TCTD, NHNN điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng nghiệp vụ thị trường mở nhằm kiểm soát tiền tệ, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường, góp phần tăng DTNHNN. Theo đó, trong bối cảnh NHNN mua ngoại tệ từ TCTD, tăng DTNHNN, thanh khoản của TCTD có dư thừa, NHNN đã chào bán tín phiếu NHNN với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất chào bán được điều chỉnh giảm dần từ mức 3,0%/năm-2,75%/năm-2,5%/năm-2,25%/năm, phương thức đấu thầu khối lượng, công bố khối lượng ở mức hợp lý để điều tiết vốn khả dụng dư thừa, góp phần kiểm soát tiền tệ. Đồng thời, NHNN thực hiện chào mua giấy tờ có giá với khối lượng chủ yếu 1.000 tỷ đồng/ngày, tăng khối lượng chào mua khi cần thiết hoặc khi lãi suất liên ngân hàng tăng cao để đảm bảo thanh khoản cho TCTD và ổn định thị trường; kỳ hạn chào mua chủ yếu là 7 ngày và được điều chỉnh linh hoạt từ 7-28 ngày khi cần thiết, lãi suất chào mua giảm dần từ mức 4,75%/năm-4,5%/năm-4%/năm; phương thức đấu thầu khối lượng, công bố khối lượng



và lãi suất. Việc điều hành đồng bộ các công cụ CSTT kết hợp với nghiệp vụ thị trường mở đã góp phần điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ; giảm mặt bằng lãi suất thị trường liên ngân hàng, từ đó góp phần giảm mặt bằng lãi suất cho vay đối với nền kinh tế.

Điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành

Năm 2019, NHNN tiếp tục điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ trong và ngoài nước, NHTW nhiều nước có xu hướng cắt giảm lãi suất; trong nước kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, thị trường tiền tệ, ngoại tệ diễn biến ổn định, ngày 16/9/2019, NHNN điều chỉnh giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc VND và ngoại tệ

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

Tiếp tục tái cấp vốn phù hợp với mục tiêu điều hành CSTT và chủ trương của Chính phủ

Công cụ tái cấp vốn được điều hành phù hợp với mục tiêu điều hành CSTT và chủ trương của Chính phủ. NHNN tiếp tục giải ngân tái cấp vốn hỗ trợ các chương trình đã được Chính phủ phê duyệt.

Điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày, kết hợp đồng bộ với các công cụ CSTT khác

Năm 2019, NHNN đã điều hành đồng bộ, linh hoạt các giải pháp tiền tệ nhằm ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày thay đổi linh hoạt theo cả hai chiều tăng/giảm trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT, qua đó hạn

chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ; đồng thời, giảm thiểu tác động bất lợi từ biến động bên ngoài tới kinh tế trong nước. Đồng thời, NHNN chủ động, linh hoạt điều chỉnh tỷ giá mua/bán ngoại tệ với các TCTD nhằm ổn định thị trường ngoại tệ. NHNN điều hành tỷ giá kết hợp với việc điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT, điều tiết thanh khoản, lãi suất VND, chủ động đẩy mạnh công tác truyền thông, định hướng thị trường, qua đó tạo sự đồng thuận của các thành viên thị trường và nâng cao tính minh bạch, hiệu quả truyền dẫn của CSTT và tỷ giá.

Điều hành tăng trưởng tín dụng đi đôi với an toàn, nâng cao hiệu quả, chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng của nền kinh tế

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng năm 2019 khoảng 6,8% và lạm phát bình quân dưới 4% được Quốc hội và Chính phủ đề ra, NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng năm 2019 khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Theo đó, NHNN thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với từng TCTD trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động và khả năng tăng trưởng tín dụng lành mạnh, trong đó ưu tiên chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức cao hơn đối với TCTD thực hiện trước thời hạn các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; TCTD tham gia hỗ trợ xử lý QTDND yếu kém. Xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của một số TCTD nhằm đảm bảo hỗ trợ TCTD mở rộng tín dụng hiệu quả, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát.

NHNN chỉ đạo TCTD tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung phân bổ vốn vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; kiểm soát cho vay ngoại tệ, có lộ trình phù hợp giảm dần cho vay ngoại tệ; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong tiếp cận vốn tín dụng; triển khai chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng để mở rộng kênh tiếp cận tín dụng và đẩy mạnh hiệu quả sử dụng vốn vay ngân hàng.



2. Quản lý ngoại hối

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng

Năm 2019, NHNN đã ban hành 05 thông tư để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngoại hối, đơn giản hóa các thủ tục hành chính phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới. Qua đó, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật, đồng thời góp phần ổn định thị trường ngoại hối và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động ngoại hối.

Năm 2019, thị trường vàng trong nước tiếp tục ổn định và tự điều tiết tốt, không xuất hiện các cơn “sốt vàng” trên thị trường; doanh số mua, bán vàng miếng tiếp tục duy trì ở mức thấp; biến động giá vàng không tác động bất lợi đến tỷ giá và thị trường ngoại hối. NHNN tiếp tục không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường. Tình trạng vàng hóa tiếp tục được hạn chế, một phần nguồn vốn bằng vàng được chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Quản lý các giao dịch vãng lai

Công tác quản lý giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện chủ trương hạn chế tiến tới xóa bỏ tình trạng đô la hóa, tăng niềm tin của người dân vào VND. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thực hiện theo hướng thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho dòng kiều hối chuyển về nước, góp phần bù đắp cán cân thanh toán của Việt Nam, tăng DTNN. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai các giải pháp để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thông qua các chính sách quản lý thu đổi ngoại tệ, chính sách kiều hối, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của TCTD được phép với cá nhân, quy định kết hối, chính sách quản lý thanh toán biên mậu...

Quản lý các giao dịch vốn

Công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện theo hướng tạo thuận lợi thu

“

Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng; các công tác quản lý giao dịch vãng lai, giao dịch vốn, quản lý DTNN, quản lý đối với thị trường vàng tiếp tục được thực hiện hiệu quả.

hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; hỗ trợ phát triển thị trường chứng khoán tạo kênh huy động vốn cho doanh nghiệp đầu tư, phát triển. Đồng thời, quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp/gián tiếp ra nước ngoài chặt chẽ, thận trọng, vừa hỗ trợ nhà đầu tư trong nước tranh thủ cơ hội đầu tư ra nước ngoài, song vẫn đảm bảo giám sát chặt chẽ dòng vốn ra, ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển kinh tế trong nước. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành rà soát các quy định liên quan đến việc giám sát chặt chẽ hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Quản lý Dự trữ ngoại hối Nhà nước

Song song với việc thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp, công cụ nhằm ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ, NHNN tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm quản lý có hiệu quả thị trường ngoại hối. Nhờ đó, NHNN đã mua được ngoại tệ bổ sung DTNHNN, đưa quy mô DTNHNN lên mức kỷ lục.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Công tác thanh tra, giám sát

Nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã kiện toàn mô hình tổ chức của Cơ quan Thanh tra giám sát, ngân hàng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và vai trò thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng.⁷ Qua đó, tạo tiền đề quan trọng để tiếp tục đổi mới hoạt động thanh tra, giám sát theo hướng tiến gần hơn với thông lệ, chuẩn mực quốc tế và phù hợp với thực tiễn phát triển của ngành Ngân hàng trong giai đoạn mới.

“

NHNN tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu; hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn trong hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro, hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ

⁷ Trình Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng và Quyết định số 20/2019/QĐ-TTg ngày 12/6/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc NHNN (thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg ngày 12/6/2014).



Năm 2019, công tác thanh tra được đổi mới, gắn kết chặt chẽ với công tác giám sát, từng bước kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới ngăn chặn, cảnh báo sớm các rủi ro có khả năng phát sinh. Trong năm 2019, NHNN đã thực hiện 1.420 cuộc thanh tra, kiểm tra và ban hành kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra đối với 1.379 cuộc thanh tra, kiểm tra; đưa ra 10.170 kiến nghị, yêu cầu các TCTD khắc phục tồn tại, sai phạm; ban hành 216 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân với tổng số tiền phạt khoảng 19,65 tỷ đồng. Ngoài ra, NHNN cũng đã áp dụng các biện pháp xử lý đối với tổ chức, cá nhân nhằm kiện toàn tổ chức, ổn định bộ máy hoạt động tại một số TCTD.

cấu lại; đẩy mạnh triển khai áp dụng các quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

Công tác giám sát được tăng cường, tập trung vào việc thực hiện phương án cơ cấu lại và xử lý nợ xấu; việc cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro...; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao khả năng cảnh báo sớm đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật của các TCTD. Trên cơ sở những sai phạm, rủi ro phát hiện qua công tác giám sát, NHNN đã ban hành khoảng 250 văn bản chỉ đạo, cảnh báo rủi ro về các vấn đề như sở hữu chéo giữa TCTD và cổ đông tại các TCTD; dư nợ cho vay bất động sản tăng cao; nợ xấu cao tại một số TCTD; việc cấp tín dụng đối với khách hàng lớn (tổng mức cấp tín dụng trên 500 tỷ đồng); hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp... Đồng thời, yêu cầu người quản lý, điều hành TCTD phải kịp thời có biện pháp triển khai chấn chỉnh, xử lý các vấn đề tồn tại, rủi ro đã được NHNN cảnh báo; chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động, bảo đảm hoạt động an toàn, lành mạnh.

Công tác quản lý cấp phép

Năm 2019, NHNN đã cấp phép thành lập và hoạt động đối với 02 văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; đồng thời chấp thuận cho các TCTD⁸ thành lập 50 Chi nhánh,⁹ 98 Phòng giao dịch.

⁸ Không bao gồm QTDND.

⁹ Vietcombank được chấp thuận thành lập 01 Chi nhánh ở Úc, tuy nhiên chi nhánh chưa hoàn tất thủ tục để đi vào hoạt động.

Tình hình triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 (Đề án 1058) và triển khai áp dụng quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu

Triển khai nhiệm vụ được giao tại Đề án 1058, trong năm 2019, NHNN đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Cơ cấu lại hệ thống các TCTD và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo. Bên cạnh đó, NHNN đã có các văn bản hướng dẫn các TCTD thực hiện Đề án 1058 cũng như văn bản chỉ đạo các TCTD, NHNN tỉnh, thành phố đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020. Ngoài ra, NHNN chỉ nhánh tỉnh, thành phố đã tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Đề án 1058; tham mưu xây dựng kế hoạch/chương trình hành động của tỉnh, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Đề án 1058; đồng thời, chỉ đạo, giám sát các QTDND trên địa bàn triển khai Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 của QTDND trình NHNN chỉ nhánh tỉnh, thành phố phê duyệt. Đến nay, NHNN đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt hoặc có văn bản giao Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên rà soát, hoàn thiện, chịu trách nhiệm phê duyệt phương án cơ cấu lại của các TCTD.

Triển khai thực hiện quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Basel II

Để thực hiện mục tiêu “Đến năm 2020, cơ bản các NHTM có mức vốn tự có theo chuẩn mực của Basel II, trong đó có ít nhất 12-15 NHTM áp dụng thành công Basel II (phương pháp tiêu chuẩn trở lên)” đặt ra tại Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 và Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017, trong những năm qua, NHNN đã triển khai đồng bộ các giải pháp, đã ban hành đầy đủ các văn bản pháp lý hướng dẫn cho các NHTM thực hiện với lộ trình phù hợp để triển khai cả ba Trụ cột của Basel II.



Đến cuối năm 2019, có 18 NHTM được Thống đốc NHNN quyết định cho áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn, gồm: 16 NHTM trong nước (VCB, VIB, OCB, VPBank, MBB, ACB, TPB, TCB, MSB, HDBank, Bản Việt, SeaBank, VietBank, BIDV, Nam Á, Bưu điện Liên Việt) và 02 ngân hàng 100% vốn nước ngoài (Shinhanbank Việt Nam, Standard Chartered Bank Việt Nam); tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng này theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN đều đáp ứng yêu cầu trên 8%.

Phần lớn các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn lại sẽ thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN từ ngày 01/01/2020. Ngoài ra, còn một số ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hiện chưa áp dụng được Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, thực hiện báo cáo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019;¹⁰ đồng thời xây dựng kế hoạch để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này chậm nhất kể từ ngày 01/01/2023.

Hiện nay, NHNN đang hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định tỷ lệ toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương pháp nâng cao (FIRB) và dự kiến Thông tư này sẽ được ban hành trong năm 2020.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Trong năm 2019, NHNN với vai trò là Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành liên quan chuẩn bị cho đợt đánh giá đa phương của Nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của Việt Nam. NHNN cũng đã tích cực phối hợp với bộ, ngành liên quan triển khai các hành động cần thực hiện theo khuyến nghị của Đoàn APG để kịp thời ghi nhận tại Báo cáo đánh giá chính thức.

¹⁰ Thông tư số 22/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó chỉnh sửa một số nội dung về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung, dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, hệ số rủi ro đối với khoản cho vay để phục vụ nhu cầu đời sống.

Bên cạnh đó, công tác tiếp nhận, xử lý các báo cáo giao dịch đáng ngờ trong năm 2019 tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng. NHNN đã tiếp nhận khoảng 2.000 báo cáo giao dịch đáng ngờ; căn cứ kết quả phân tích, NHNN đã chuyển thông tin liên quan gần 130 vụ việc cho các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật. NHNN đã nhận và xử lý gần 200 văn bản đề nghị cung cấp thông tin từ các cơ quan chức năng và 30 yêu cầu cung cấp thông tin của Đơn vị tình báo tài chính các nước. Các thông tin do NHNN chuyển giao, cung cấp qua công tác phòng, chống rửa tiền đã hỗ trợ hiệu quả cho các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc điều tra, xét xử kịp thời nhiều vụ án lớn góp phần tích cực trong công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm rửa tiền nói riêng trong thời gian qua.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính

“

NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống, từng bước hoàn thiện khuôn khổ chính sách an toàn vĩ mô tạo cơ sở pháp lý giúp ngăn ngừa rủi ro hệ thống, giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống (ban hành theo Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016). Năm 2019, NHNN tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích, đánh giá ổn định tài chính; nâng cấp bộ chỉ số an toàn vĩ mô và quy trình giám sát rủi ro hệ thống tài chính; kết hợp sử dụng hệ thống cảnh báo sớm vĩ mô để xác định, cảnh báo diễn biến mức độ tổn thương tài chính của các khu vực trong nền kinh tế; theo dõi, giám sát đồng thời các chu kỳ kinh doanh, tài chính; đánh giá mối liên kết tài chính vĩ mô giữa các khu vực với hệ thống tài chính; kiểm tra sức chịu đựng của hệ thống (*macro stress - test*).

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

“

Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho

Năm 2019, NHNN tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế cho hoạt động ngân hàng, theo đó đã xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền 43 văn bản QPPL, bao gồm: 05 nghị định của Chính phủ, 01 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 38 thông tư của Thống đốc NHNN. Các văn bản được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý để NHNN thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: (i) Tái cơ cấu hệ thống các TCTD;



(**ii**) Mua bán, xử lý nợ xấu của TCTD, VAMC; (**iii**) Hoàn thiện thể chế, tăng cường, nâng cao hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; (**iv**) Tiếp tục hoàn thiện các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động của TCTD; hoạt động kinh doanh ngoại hối, vàng, thanh toán...;

Với các văn bản QPPL được ban hành trong năm 2019, hệ thống pháp luật ngành ngân hàng được hoàn thiện, góp phần tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho NHNN điều hành CSTT, bảo đảm an toàn hoạt động, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD.

Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, NHNN đã tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: (**i**) Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới được ban hành trong toàn hệ thống ngân hàng; (**ii**) Thực hiện rà soát và công bố 51 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ và 38 văn bản hết hiệu lực toàn phần; đề xuất Bộ Tư pháp bãi bỏ 04 quyết định của Thủ tướng Chính phủ do NHNN chủ trì soạn thảo; (**iii**) Hệ thống hóa và công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của NHNN trong giai đoạn 2014-2018 gồm 04 danh mục: Danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực gồm 480 văn bản; Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ gồm 1.051 văn bản; Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần gồm 131 văn bản; Danh mục văn bản QPPL cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, gồm 69 văn bản; (**iv**) Thực hiện pháp điển và cập nhật 27 kết quả pháp điển; (**v**) Rà soát các điều ước quốc tế có quy định về lĩnh vực tài chính - ngân hàng như các Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định ATISA, Hiệp định RCEP, Hiệp định VIFTA; (**vi**) Thường xuyên cập nhật, theo dõi thi hành đối với các văn bản QPPL mới được ban hành, theo dõi theo chuyên đề, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, qua đó nâng cao tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật ngân hàng.

hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước, nâng cao tính minh bạch, thống nhất của hệ thống pháp luật về ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

“

Triển khai hiệu quả công tác phát hành kho quỹ, đảm bảo an toàn hệ thống, an ninh tiền tệ.

Năm 2019, trên cơ sở theo dõi chặt chẽ diễn biến tiền mặt của nền kinh tế, NHNN đã xây dựng phương án tiền mặt, lên kế hoạch và kịp thời tổ chức điều chuyển tiền đến các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trên cả nước; xây dựng kế hoạch in tiền phù hợp đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế, đảm bảo an ninh tiền tệ quốc gia; thực hiện tốt công tác điều hòa, đảm bảo lưu thông tiền mặt thông suốt, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt tiền mặt, đặc biệt vào dịp Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển chọn thu hồi tiền không đủ tiêu chuẩn nhằm cải thiện chất lượng đồng tiền trong lưu thông; chủ trương không đưa tiền mới in mệnh giá từ 10.000 đồng trở xuống trong dịp Tết Nguyên đán nhằm hạn chế sử dụng tiền nhỏ sử dụng không đúng mục đích góp phần bảo vệ hình ảnh đồng tiền Việt Nam và tiết kiệm chi phí xã hội.

Công tác an toàn kho quỹ

NHNN tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, phúc tra công tác an toàn kho quỹ trong toàn ngành, qua đó những tồn tại, thiếu sót được các đơn vị nghiêm túc khắc phục, đảm bảo an toàn tuyệt đối tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá do đơn vị quản lý và bảo quản; ban hành văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh về công tác an toàn kho quỹ và hướng dẫn bổ sung một số nội dung về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá; nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình giao dịch tiền mặt của TCTD; xây dựng cơ chế và phương án đưa các kho tiền trung chuyển vào hoạt động nhằm giảm tải sức chứa cho kho tiền trung ương.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

NHNN phân tích, giám định và thông tin, cảnh báo kịp thời các loại tiền giả mới xuất hiện cho hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước; tăng cường tập huấn nghiệp vụ kỹ năng phân biệt tiền thật/giả; chủ trì phối hợp với lực lượng bộ đội biên phòng thực hiện tuyên truyền tại khu vực vùng sâu, vùng xa, giáp biên giới ở 7 tỉnh biên giới phía Bắc, phối hợp Bộ Quốc phòng, Bộ Công an khảo



sát tình hình đấu tranh, phòng, chống tội phạm về tiền giả tại một số địa bàn trọng điểm về tiền giả. Ngoài ra, NHNN nghiên cứu, rà soát các quy định liên quan đến công tác phòng, chống tiền giả nhằm đảm bảo tính pháp lý và nâng cao tính hiệu quả, trách nhiệm.

7. Hoạt động thanh toán

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Nhằm ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc CMCN 4.0, trong năm 2019, bên cạnh việc ban hành khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn phù hợp, NHNN đã chỉ đạo NHTM xây dựng hạ tầng số tập trung, chuẩn hóa, cho phép chia sẻ, tích hợp tạo hệ sinh thái số trải rộng trên nhiều ngành, lĩnh vực như: mobile banking kết nối với viễn thông, điện lực, hàng không, vận tải, y tế, sàn giao dịch điện tử, siêu thị,... Đến nay, 96% ngân hàng đã và đang xây dựng chiến lược phát triển dựa trên công nghệ 4.0 trong đó 92% ngân hàng đã phát triển dịch vụ ứng dụng trên Internet và Mobile. Ngoài ra, các dịch vụ phân tích hành vi khách hàng trên dữ liệu lớn (Big data), xác thực sinh trắc học; ứng dụng mã phản hồi nhanh (QR Code), mã hóa thông tin thẻ (Tokenization), thanh toán thẻ chip tiếp xúc và phi tiếp xúc (contact và contactless), thanh toán trên thiết bị di động (Mobile Payment),... cũng được các ngân hàng ứng dụng mạnh mẽ.

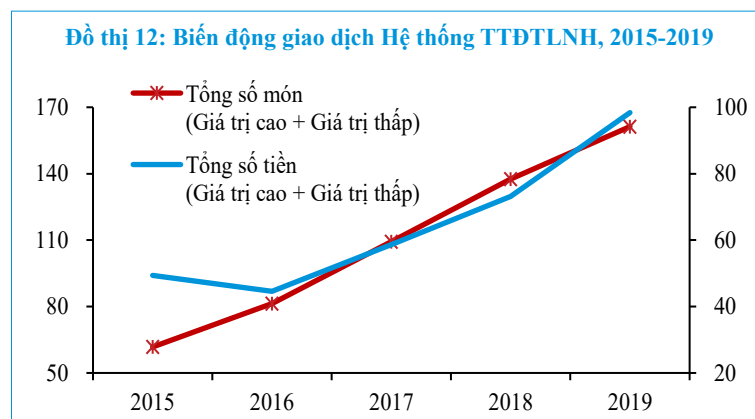
Trong năm 2019, có trên 78 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và 47 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện qua điện thoại di động. Số lượng giao dịch qua Internet là trên 419,6 triệu giao dịch, với giá trị khoảng 22,2 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 64,1% và 37,3% so với cuối năm 2018); số lượng giao dịch qua điện thoại di động là hơn 552 triệu giao dịch, với giá trị khoảng gần 5,8 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 198,4% và 210,4% so với cuối năm 2018). Đến cuối năm 2019, có khoảng 19 ngân hàng triển khai dịch vụ thanh toán QR Code; số lượng giao dịch qua QR Code đạt khoảng 9,6 triệu giao dịch, với giá trị gần 12 nghìn tỷ đồng.

Với sự góp mặt của 32 tổ chức không phải là ngân hàng được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng



Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, tiện ích, bảo mật, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán của nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán.

DVTGTT đã góp phần đa dạng hóa và gia tăng tiện ích trong cung ứng dịch vụ, mở rộng phạm vi phục vụ khách hàng, tối ưu hóa chi phí đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin nhằm phát triển thanh toán không dùng tiền mặt theo định hướng của Chính phủ và NHNN. Đến cuối năm 2019, cả nước có 19.187 ATM và 227.754 POS đang hoạt động; số lượng giao dịch thanh toán nội địa qua thẻ đạt trên 327 triệu giao dịch với 799 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 42,7% và 34,9% so với năm 2018). Các ngân hàng tích hợp thêm nhiều tính năng vào thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ song song với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn thanh toán thẻ; công tác chuyển đổi thẻ từ sang thẻ chip được triển khai tích cực trên nguyên tắc bảo vệ quyền lợi khách hàng.



Nguồn: NHNN

Hệ thống TTĐTLNH năm 2019 hoạt động ổn định, quy mô, số lượng giao dịch và giá trị giao dịch ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu thanh toán, chuyển tiền, thúc đẩy hoạt động thanh toán nhanh chóng, thuận tiện, chính xác, an toàn và bảo mật. Cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả.

Đến cuối năm 2019, hệ thống TTĐTLNH đã kết nối với 331 đơn vị thành viên tham gia hệ thống, bao gồm kết nối với toàn bộ 63 Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, đáp ứng được nhu cầu thu, chi ngân sách của người dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, kịp thời. Bên cạnh đó, có khoảng 50 ngân hàng hoàn thành kết nối thanh toán thuế điện tử với Thuế, Hải quan trên 63 tỉnh/thành phố, 95% số thu Hải quan thực hiện qua ngân hàng; 99% doanh



ng nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử; 27 ngân hàng và 10 tổ chức cung ứng DVTGTT phối hợp thu tiền điện, doanh thu tiền điện của EVN thanh toán qua ngân hàng lên tới gần 90%; 30 bệnh viện đã kết nối triển khai thanh toán viện phí điện tử, một số bệnh viện đã đạt 35% số lượng giao dịch thanh toán viện phí không dùng tiền mặt...

Tổng số lượng giao dịch qua hệ thống TTĐTLNH trong năm 2019 đạt 161,2 triệu giao dịch với giá trị 98,4 triệu tỷ đồng, tăng 17,2% về số lượng và tăng 34,59% về giá trị giao dịch so với năm 2018.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện tạo sự đồng bộ và thuận lợi để khuyến khích phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng công nghệ mới, đảm bảo an ninh, an toàn về thanh toán. Theo đó, NHNN tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp lý về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, hướng dẫn về DVTGTT..., nghiên cứu đề xuất quy định, tiêu chuẩn liên quan mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới như tiền di động (mobile money), Đề án cơ chế quản lý thử nghiệm hoạt động Fintech (Regulatory Sandbox).

Công tác giám sát hệ thống thanh toán tiếp tục được đổi mới và tăng cường trên cơ sở tiếp tục triển khai Chiến lược giám sát các hệ thống thanh toán tại Việt Nam giai đoạn 2014-2020, kết hợp giám sát trực tuyến hàng ngày đối với hệ thống TTĐTLNH và giám sát định kỳ đối với hệ thống thanh toán ngoại tệ, thanh toán chứng khoán, đồng thời tăng cường giám sát hoạt động cung ứng DVTGTT nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán.

8. Hoạt động thông tin tín dụng

Năm 2019, CIC tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia cả về chiều rộng và chiều sâu; phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ đa dạng; cải tiến quy trình, nghiệp vụ, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Các kết quả đạt



*Hoạt động của
Trung tâm thông*

tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và đảm bảo an toàn của hệ thống.

được đã khẳng định vị thế, vai trò của thông tin tín dụng đối với cơ sở hạ tầng tài chính Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Xây dựng kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

Năm 2019, CIC tiếp tục duy trì ổn định nguồn dữ liệu truyền thống từ các TCTD song song với việc mở rộng và bổ sung các nguồn thông tin phi truyền thống từ các bộ, ngành và tổ chức tự nguyện. Đến cuối năm 2019, 100% TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gần 1.159 QTDND, tổ chức tài chính vi mô và 50 tổ chức tự nguyện đã báo cáo thông tin về CIC. CIC tiếp tục thu thập thông tin của doanh nghiệp từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, góp phần nâng cao độ bao phủ thông tin tín dụng trên phần trăm dân số trưởng thành. Tổng số khách hàng trong kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia hiện nay là trên 42,3 triệu khách hàng, bao gồm trên 1,1 triệu pháp nhân và trên 41,2 triệu thể nhân; trong đó số khách hàng hiện đang có dư nợ là 17,4 triệu khách hàng. Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh năm 2020 của Ngân hàng thế giới, chỉ số tiếp cận tín dụng Việt Nam đứng thứ 2 trong khối ASEAN, đứng thứ 7 trong khu vực châu Á, tăng 7 bậc so với đánh giá trong Báo cáo năm 2019; mức độ bao phủ thông tin tín dụng công lập cũng được mở rộng, tăng 8,4% so với đánh giá năm 2019; chỉ số chiều sâu thông tin tín dụng từ 7/8 điểm lên 8/8 điểm.

Bảng 4: Chỉ tiêu chiều sâu thông tin tín dụng năm 2020

Chỉ tiêu	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	OECD
Độ sâu thông tin tín dụng (thang điểm 0-8) - Depth of credit information index	8,0	4,5	6,8
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng công lập (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) - Credit registry coverage (% of adults)	59,4	16,6	24,4
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng tư nhân (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) - Credit bureau coverage (% of adults)	20,6	23,8	66,7

Nguồn: Báo cáo Môi trường kinh doanh của Nhóm Ngân hàng thế giới năm 2020.



Cung cấp thông tin tín dụng

Trong năm 2019, CIC cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của NHNN như báo cáo phân tích định kỳ tháng về tình hình tín dụng, nợ xấu của TCTD; tình hình tín dụng theo địa bàn; báo cáo phục vụ hoạt động thanh tra, giám sát của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố;... Bên cạnh đó, với việc mở rộng áp dụng phương thức cung cấp thông tin mới (Host to Host), kết nối trực tiếp từ hệ thống của CIC tới hệ thống quản trị rủi ro, phê duyệt tín dụng của các TCTD đã tác động tích cực tới hoạt động cung cấp thông tin tín dụng. Kết quả, số lượng báo cáo tín dụng truyền thống và báo cáo tín dụng khác theo yêu cầu do CIC cung cấp tăng trên 20% so với cùng kỳ năm 2018, với hơn 34 triệu báo cáo, tỷ lệ tự động hóa đạt 84%.

Ngoài ra, CIC đã cung cấp một khối lượng lớn thông tin về khách hàng có nhóm nợ cao nhất, biến động về nhóm nợ để phục vụ cho việc đánh giá, phân loại nợ, điều chỉnh nhóm nợ của TCTD; đồng thời cung cấp gói dữ liệu để TCTD xây dựng, phát triển, kiểm định các mô hình quản trị rủi ro, chấm điểm tín dụng, xếp hạng tín dụng nội bộ, quản lý danh mục và thu hồi nợ; cung cấp thông tin hỗ trợ TCTD triển khai lộ trình Basel II.



Nguồn: NHNN

Kết nối tín dụng cho khách hàng vay

Tháng 6/2019, CIC đã chính thức công bố vận hành cổng thông tin kết nối khách hàng vay. Với cổng thông tin này, CIC cung cấp các giải pháp hoàn chỉnh trên website (<https://www.cic.gov.vn>) và ứng dụng điện

thoại thông minh “CIC Credit Connect - Kết nối nhu cầu vay” (trên nền tảng Android và IOS) với nhiều tiện ích để kết nối TCTD với khách hàng vay. Khách hàng có thể khai thác báo cáo tín dụng, điểm tín dụng của bản thân và tiếp cận đồng thời các sản phẩm, dịch vụ, chính sách tín dụng của các TCTD.

Hỗ trợ và phổ cập kiến thức tín dụng

Để minh bạch hóa thông tin tín dụng và hỗ trợ khách hàng vay giám sát thông tin tín dụng về bản thân, cải thiện điểm tín dụng, CIC xây dựng cổng thông tin kết nối với khách hàng vay và Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Contact Center). Đây là một trong những nội dung quan trọng trong việc triển khai các Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP và 35/NQ-CP của Chính phủ về các giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của người dân và doanh nghiệp.

9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Năm 2019, công tác truyền thông của NHNN tiếp tục tập trung vào tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Chính phủ, điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, góp phần nâng cao niềm tin công chúng; giải đáp kịp thời các vấn đề báo chí, dư luận quan tâm; phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai hoạt động an sinh xã hội của ngành ngân hàng; tăng cường quản trị, nâng cấp giao diện và nội dung Cổng thông tin điện tử NHNN; chủ động công bố thông tin chính xác, kịp thời; tính kết nối trong hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng ngày càng được tăng cường, đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả từ Vụ Truyền thông NHNN đến các đơn vị thuộc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố và đơn vị truyền thông tại các TCTD.

Bên cạnh đó, các chương trình truyền thông giáo dục tài chính như “Tiền khéo, tiền khôn”, “Những đứa trẻ thông thái”, “Đồng tiền thông thái”, “Hiểu đúng về tiền”,... đã được công chúng đón nhận tích cực, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng, giảm thiểu chi phí xã hội, góp phần triển khai tích cực các Đề án thanh toán không dùng tiền mặt, thúc đẩy thanh toán các dịch vụ công qua ngân hàng và Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế.

“

Công tác thông tin, truyền thông tiếp tục đạt kết quả quan trọng, chủ động, chuyên nghiệp, tạo niềm tin của doanh nghiệp và người dân đối với điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, góp phần tích cực vào kết quả chung của toàn ngành.

Phần III - Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ

NHNN tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011 của Thống đốc NHNN. Năm 2019, NHNN đã thực hiện kiểm toán nội bộ tại 30 đơn vị thuộc NHNN, ban hành 62 báo cáo kiểm toán nội bộ các chuyên đề; tập trung đánh giá tính tuân thủ pháp luật, cơ chế, chính sách của ngành; tính đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán, chú trọng những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro (an toàn, an ninh hệ thống thông tin, công tác quản lý, thanh tra, giám sát các TCTD đặc biệt đối với QTDND, công tác an toàn tài sản kho, quỹ; công tác tài chính kế toán và đầu tư xây dựng). Ngoài ra, NHNN tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Hoạt động kiểm toán nội bộ đã giúp các đơn vị chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót; rà soát hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, điều hành; đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đảm bảo hoạt động của NHNN an toàn, hiệu quả.

“

Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn, hiệu quả của NHNN.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ

Năm 2019, NHNN tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị để tiến hành sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn. Kết quả cụ thể như sau: (i) Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 20/2019/QĐ-TTg ngày 12/6/2019 thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg ngày 12/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc NHNN. Mô hình tổ chức mới của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng được sắp

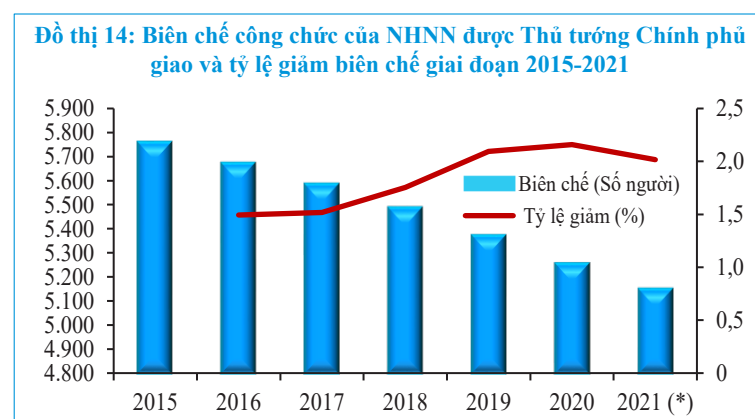
“

NHNN tiếp tục xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực theo chủ trương của Đảng và Chính phủ; tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi

tác đào tạo, bồi dưỡng hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

xếp theo hướng chủ động, hiệu quả và tinh gọn hơn (có 8 đơn vị đầu mối, giảm 3 đơn vị so với trước đây); **(ii)** Bổ sung chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng số; **(iii)** Ban hành Quyết định số 2393/QĐ-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1367/QĐ-NHNN ngày 26/6/2019 của Thống đốc NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng, chống rửa tiền thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; **(iv)** Ban hành Quyết định số 979/QĐ-NHNN ngày 08/5/2019 thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của NHNN trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư phát triển và mở rộng Nhà máy in tiền Quốc gia giai đoạn 2009 - 2020, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc NHNN tại 13 Đê La Thành - Hà Nội, Ban Quản lý dự án Kho tiền Trung ương và Trung tâm xử lý tiền phía Nam.

Về công tác quản lý biên chế, trong năm 2019, NHNN đã giao biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN; các Vụ, Cục và Cơ quan tại NHTW và 63 NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố. NHNN đã chủ động cân đối quản lý biên chế tiết kiệm, nghiêm túc quán triệt sử dụng trong phạm vi biên chế được Bộ Nội vụ giao, không xảy ra tình trạng vượt biên chế; đồng thời xây dựng lộ trình tổng thể, chi tiết từng năm, đảm bảo đến năm 2021 giảm được tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015. Diễn biến biên chế công chức của NHNN được giao trong giai đoạn năm 2015-2019 và dự kiến năm 2020-2021 như sau:



Nguồn: NHNN

(*) Dự kiến biên chế được giao năm 2021 (giảm xấp xỉ 2% so với năm trước liền kề)

Về công tác cán bộ, tháng 11/2019, NHNN đã tổ chức thi tuyển công chức loại C với 19 chỉ tiêu vào làm việc tại Cục Công nghệ thông tin. Đồng thời, NHNN đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức loại C tại các đơn vị thuộc NHNN năm 2019-2020 nhằm kịp thời bổ sung nguồn lực cả về số lượng và chất lượng với hình thức thi tuyển trên máy. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vừa đảm bảo minh bạch, khách quan trong tuyển dụng, vừa thực hiện nội dung cải cách được Chính phủ đề ra trong Kế hoạch tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Bám sát mục tiêu xây dựng đội ngũ, cán bộ công chức chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách của NHTW theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm 2019 thu được nhiều kết quả tích cực. Năm 2019, có 7.415 lượt cán bộ, công chức, viên chức và 3.184 lượt cán bộ TCTD tham gia học tập. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng, thiết kế với cấu trúc rõ ràng, chuẩn hóa theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, phù hợp với đối tượng đào tạo, có tính thực tiễn cao, gắn chặt với vị trí việc làm, tăng cường chất lượng giảng viên, tăng cường các biện pháp khuyến khích học viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành ngân hàng. Đồng thời, NHNN tiếp tục phối hợp với các dự án/chương trình hỗ trợ kỹ thuật từ ATTF nhằm đáp ứng yêu cầu cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn của các đơn vị.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Năm 2019, ngành ngân hàng đã triển khai thực hiện 04 đề tài cấp Nhà nước; 47 nhiệm vụ cấp bộ; 19 nhiệm vụ cấp cơ sở, tập trung các vấn đề: **(i)** Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho quản lý, điều hành hoạt động ngân hàng; **(ii)** Nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn hỗ trợ cho công tác điều hành CSTT, tín dụng, tỷ giá; **(iii)** Tiếp tục tái cơ cấu và lành mạnh hóa hệ thống các TCTD trong bối cảnh CMCN 4.0; **(iv)** Nghiên cứu hỗ trợ mục tiêu

“

Hoạt động khoa học và công nghệ ngành ngân hàng tiếp tục bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra

cho ngành và có đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho hoạt động của ngành.

nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; (v) Nghiên cứu về phát triển ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại trong quản lý hoạt động và phát triển dịch vụ ngân hàng; (vi) Nghiên cứu, đánh giá hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng tài chính; (vii) Các nội dung nghiên cứu khác hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Trong năm 2019, NHNN tổ chức nhiều hội thảo về các chủ đề được dư luận quan tâm: Sự kiện Banking Vietnam với chủ đề “*Tài chính toàn diện trong xu thế phát triển của nền kinh tế không dùng tiền mặt*”; Hội thảo cấp Ngành “*Phát triển an toàn bền vững hệ thống các TCTD phi ngân hàng tại Việt Nam*”; “*Nâng cao chất lượng thu thập thông tin và chấm điểm tín dụng cho khách hàng cá nhân tại các TCTD*”. Các nội dung thảo luận tại các hội thảo đã thẳng thắn nhìn nhận sâu sắc, nêu được thực tiễn hoạt động của ngành để từ đó có những giải pháp, kiến nghị, định hướng chiến lược, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành ngân hàng trong những năm tiếp theo.

4. Công tác thống kê

“

Công tác thống kê của NHNN tiếp tục được tăng cường và phát triển, góp phần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

Nhằm nâng cao chất lượng thống kê, năm 2019, NHNN đôn đốc, tra soát và hướng dẫn các TCTD thực hiện báo cáo thống kê đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ phục vụ công tác phân tích, dự báo, điều hành CSTT. Ngoài ra, NHNN cũng đẩy mạnh công tác chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm, đảm bảo tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quá trình thực hiện quy định báo cáo thống kê.

NHNN tiếp tục triển khai chính thức Điều tra kỳ vọng lạm phát định kỳ tháng và Điều tra xu hướng kinh doanh định kỳ quý theo hình thức trực tuyến; triển khai thí điểm cuộc điều tra xu hướng tín dụng định kỳ 6 tháng và thí điểm cuộc điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các chuyên gia kinh tế định kỳ quý. Kết quả điều tra thu được đã giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt xu hướng, diễn biến và kỳ vọng trên thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng kịp thời. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế; ứng dụng

công nghệ tin học hiện đại trong khai thác và tổng hợp kết quả báo cáo. Các kết quả trên đã góp phần phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định và điều hành CSTT của NHNN.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin

Hướng đến mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và ứng dụng công nghệ hiện đại thông qua cải cách thể chế, tích hợp công nghệ thông tin trong quy trình quản lý và quản trị, NHNN đã ban hành Chiến lược phát triển công nghệ thông tin của ngành Ngân hàng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể: “Hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ của NHNN trên nền tảng công nghệ thông tin tiên tiến, phấn đấu đến năm 2025, NHNN trở thành một ngân hàng có công nghệ hiện đại trong khu vực ASEAN; Hoạt động của các TCTD dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế, phấn đấu đến năm 2025, đạt trình độ phát triển công nghệ của nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN; đáp ứng tốt nhu cầu dịch vụ tài chính ngân hàng của nền kinh tế; Hoàn thiện nền tảng Chính phủ điện tử tại NHNN nhằm hiện đại hóa công tác quản lý và điều hành hoạt động ngân hàng đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ, góp phần nâng xếp hạng Chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc và đến năm 2025 đưa Việt Nam vào nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng Chính phủ điện tử”.

Bên cạnh đó, NHNN ban hành văn bản QPPL điều chỉnh các hoạt động công nghệ thông tin phù hợp với Chiến lược phát triển của ngành và đáp ứng nhu cầu thực tiễn; tổ chức 12 đoàn kiểm tra tuân thủ các quy định về công nghệ thông tin tại các TCTD, trung gian thanh toán, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động trên nền tảng công nghệ thông tin của toàn ngành.

“

Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ gắn với cải cách thể chế, quy trình quản lý, quản trị; đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.

Phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN song song với công tác bảo đảm an toàn thông tin

Các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của NHNN và cung cấp dịch vụ cho TCTD thường xuyên được nâng cấp về nghiệp vụ và công nghệ, đáp ứng yêu cầu đổi mới chính sách, phù hợp xu thế phát triển công nghệ thông tin của thế giới.

Năm 2019, Hệ thống CoreBank T24 của NHNN đã thực hiện gần 22 triệu giao dịch, hợp đồng. Tính trung bình hệ thống Corebank mỗi ngày xử lý khoảng 85 nghìn giao dịch, hợp đồng; phân hệ đấu thầu thị trường tiền tệ đã xử lý trên 230 phiên đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở với giá trị hơn 450.000 tỷ đồng, trên 150 phiên đấu thầu tín phiếu NHNN với tổng giá trị hơn 1.500.000 tỷ đồng; hệ thống TTĐTLNH đã xử lý được 161.263.345 giao dịch với tổng số tiền là 98.399.622 tỷ đồng. Số lượng giao dịch thanh toán liên ngân hàng tăng 18% và giá trị giao dịch tăng 32% so với cùng kỳ năm 2018; hệ thống Báo cáo và Kho dữ liệu tập trung bình quân mỗi ngày tiếp nhận khoảng 9.300 báo cáo từ gần 1.400 đơn vị gửi số liệu. Vào các ngày cao điểm, hệ thống tiếp nhận từ 23.000 đến 28.000 báo cáo. Về việc triển khai Chính phủ điện tử, 100% thủ tục hành chính của NHNN đã được cập nhật trên cơ sở dữ liệu Quốc gia.

Năm 2019, trong bối cảnh tình hình an ninh công nghệ thông tin trên thế giới và Việt Nam diễn biến phức tạp, NHNN đã chỉ đạo đồng bộ về chính sách, giải pháp công nghệ, tăng cường kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác truyền thông đã giúp cho hoạt động thông tin của ngành cơ bản an toàn.

Phần IV - Hợp tác quốc tế

Năm 2019, NHNN tiếp tục tập trung phát triển và nâng tầm quan hệ với các đối tác quốc tế, tăng cường huy động các nguồn lực tài chính, kỹ thuật, tư vấn cho NHNN nói riêng và Việt Nam nói chung, qua đó góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Năm 2019, NHNN tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và các nước ASEAN, ASEAN+3, APEC trong lĩnh vực ngân hàng tài chính thông qua việc thường xuyên đối thoại chính sách và phối hợp triển khai hàng loạt các sáng kiến hợp tác khu vực... Một số thành tựu nổi bật trong hợp tác khu vực bao gồm: Ký Biên bản ghi nhớ gia hạn Thỏa thuận hoán đổi ASEAN lần thứ 7 bên lề Hội nghị thường niên IMF/WB; Phối hợp với Ủy ban tăng cường năng lực để hội nhập tài chính ASEAN (SCCB) hỗ trợ cho nhiều lượt cán bộ NHNN tham dự các khóa tập huấn, hội thảo trong khu vực, đồng thời thiết kế, xây dựng các chương trình/khóa tập huấn dành cho cán bộ NHNN cũng như các cán bộ NHTW các nước BCLMV về nghiệp vụ NHTW; Phối hợp chặt chẽ với các nước ASEAN+3 tiến hành các thủ tục sửa đổi Thỏa thuận Đa phương hóa Sáng kiến Chiêng Mai (CMIM) nhằm nâng cao vị thế pháp lý, tính sẵn sàng và hiệu quả triển khai trong thực tế của CMIM, song song với đó là triển khai thành công Chương trình thử nghiệm bằng tiền thật lần thứ 10 nhằm tăng cường sự phối hợp giữa NHTW các nước thành viên và nội bộ các đơn vị NHTW trong quá trình triển khai các giao dịch hoán đổi trong khuôn khổ CMIM.

NHNN đã tích cực tham gia đàm phán, góp phần thúc đẩy tiến trình ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) với tư cách là thành viên Đoàn đàm phán Chính phủ đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngân hàng; ban hành kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trong lĩnh vực ngân hàng và xây dựng các báo cáo định kỳ theo kế hoạch; Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành thúc đẩy kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác

“

Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Thỏa thuận Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Đài Loan, tích cực tham gia đàm phán FTA song phương với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA) và Israel...

Trong năm 2019, NHNN phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo NHTW các nước Đông Nam Á (SEACEN) để xem xét và phê duyệt các vấn đề quan trọng trong hoạt động của SEACEN. NHNN đã đăng cai tổ chức Hội nghị Giám đốc thanh tra giám sát của SEACEN và khóa học về Công nghệ thông tin của SEACEN tại Hà Nội; đồng thời cử các cán bộ NHNN tham gia các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề do SEACEN tổ chức.

Ngoài ra, NHNN tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm định hướng hoạt động của ngành theo đúng lộ trình hội nhập sâu rộng trong WTO; tích cực tham gia các phiên trao đổi, đánh giá về diễn biến kinh tế-tài chính, các phản ứng chính sách của các quốc gia để tham vấn, đề xuất biện pháp chính sách phù hợp, góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế đa phương, mở rộng thị trường dịch vụ, tăng cường hợp tác tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế tại các diễn đàn đa phương; tham gia các hoạt động trong khuôn khổ tiến trình hợp tác tài chính G20: tham gia Hội nghị Thứ trưởng Tài chính và Phó Thống đốc NHTW G20, Hội nghị Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc NHTW G20; góp ý các nội dung hợp tác và tham gia của Việt Nam trong khuôn khổ Hội nghị Quan chức cấp cao G20 (SHERPA)... Việc tham gia Tiến trình G20 là bước chuẩn bị quan trọng cho Việt Nam nói chung và NHNN nói riêng trong việc xây dựng và triển khai các nội dung ưu tiên cho hợp tác tài chính ngân hàng trong năm 2020 khi Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB, AIIB, IBEC, IIB thông qua việc duy trì, phát triển quan hệ hợp tác, truyền thông về các chủ trương, chính sách của Chính phủ Việt Nam, qua đó củng cố quan hệ ngày càng vững chắc với các tổ chức.



Tăng cường vị thế tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế.



Trong năm 2019, Lãnh đạo NHNN đã đại diện cho Chính phủ Việt Nam tham dự Hội nghị Mùa xuân IMF/WB và Hội nghị thường niên IMF/WB tại Hoa Kỳ, Hội nghị Thường niên ADB tại Fiji, Hội nghị Thường niên Hội đồng Thống đốc AIIB tại Luxembourg...; chủ trì tiếp đón các đoàn Lãnh đạo của các tổ chức tài chính quốc tế như Phó Chủ tịch WB, Phó Chủ tịch kiêm Chuyên gia kinh tế trưởng của WB, Trưởng Đại diện IMF tại Việt Nam, Giám đốc Nhóm nước mà Việt Nam tham gia tại AIIB, Phó Chủ tịch ADB, Giám đốc Điều hành ADB tại Việt Nam, Chủ tịch IIB, Chủ tịch IBEC... Lãnh đạo các tổ chức tài chính quốc tế đã có các buổi tiếp kiến với Lãnh đạo Chính phủ để trao đổi về cơ hội tăng cường hợp tác giữa các tổ chức tài chính quốc tế với Việt Nam, qua đó củng cố và mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước đối tác, nâng cao vị thế đối ngoại của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong quan hệ với ADB, năm 2019, NHNN tiếp nhận 04 khoản viện trợ với tổng trị giá khoảng 5,9 triệu USD; chủ động, tích cực tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách quan trọng của ADB như chiến lược 2030, kế hoạch hành động thực hiện chiến lược 2030, chính sách về tư nhân, chính sách sau tốt nghiệp; vận động thành công ADB thông qua chính sách hỗ trợ không tính phụ phí các khoản vay OCR cho Việt Nam trong năm 2021; chủ trì, phối hợp với ADB tổ chức các hội thảo, tọa đàm và các khóa đào tạo phổ biến chính sách của ADB; triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ của ADB cho NHNN như tổng kết Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg về tài chính vi mô, xây dựng tập trung hóa cơ sở dữ liệu để thực hiện Basel II, xây dựng website tài chính toàn diện, hỗ trợ đánh giá đa phương về phòng chống rửa tiền, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về Fintech...

Trong quan hệ với WB, năm 2019, NHNN đã tiếp nhận 04 Dự án hỗ trợ kỹ thuật do WB viện trợ không hoàn lại với tổng trị giá khoảng 29,4 triệu USD; chủ động, tích cực trong củng cố, phát triển quan hệ, hợp tác, và tiếp tục đề nghị các tổ chức thành viên của WB như Tổ chức tài chính quốc tế (IFC), Cơ quan bảo lãnh quốc

tế đa phương (MIGA) hỗ trợ các loại hình tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam dưới nhiều hình thức cho vay, đầu tư, bảo lãnh,... và xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động tại Việt Nam.

Trong quan hệ với AIIB, NHNN tiếp tục khẳng định vai trò là một thành viên sáng lập có trách nhiệm. Đặc biệt, trên cương vị Giám đốc phụ huynh của Nhóm tại AIIB (nhiệm kỳ 07/2019-06/2020), đại diện của NHNN đã tích cực tham gia vào quá trình xây dựng các định hướng, chính sách, chiến lược hoạt động của AIIB, phê duyệt khoản vay/khoản đầu tư của AIIB cấp cho các nước hội viên, góp phần tăng cường hiện diện cũng như tiếng nói của Việt Nam tại tổ chức này.

Đối với IMF, NHNN thực hiện tốt chức năng đầu mối tại IMF, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng IMF tại Việt Nam, Văn phòng Nhóm SEAGV, thường xuyên trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu, tham gia điều tra của IMF về tiếp cận tài chính, quản trị, quản lý rủi ro và chức năng tuân thủ của NHTW trong hoạt động cung cấp số liệu cho các đối tác quốc tế. IMF đã tiến hành nhiều hoạt động tư vấn chính sách và chương trình hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN trong nhiều lĩnh vực: thống kê khu vực đối ngoại (ESS), xây dựng mô hình Hệ thống phân tích và dự báo chính sách (FPAS), Hệ thống phổ biến số liệu chung tăng cường (e-GDDS)...

Trong quan hệ với IIB/IBEC, NHNN đã thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ và tích cực tham gia vào quá trình xây dựng “luật chơi” nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích quốc gia tại 02 ngân hàng này, đặc biệt trong bối cảnh 02 ngân hàng đang thực hiện những bước cải cách mạnh mẽ cơ cấu tổ chức và hoạt động của mình.

Năm 2019, NHNN tiếp tục hoạt động trao đổi với BIS, tham gia tích cực vào các nhóm, diễn đàn và tổ chức trực thuộc BIS và hiện đang là quan sát viên thường trực của BIS trong các hội nghị, diễn đàn trực thuộc. Tháng 6/2019, NHNN đã tham dự Hội nghị Thường niên của BIS lần thứ 89 tại Basel, Thụy Sĩ. Năm 2020, dự kiến NHNN sẽ hoàn tất thủ tục xin gia nhập BIS.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ về tăng cường hội nhập quốc tế, trong năm 2019, NHNN đã phát triển, làm sâu sắc quan hệ hợp tác với NHTW, cơ quan giám sát ngân hàng tại các nước có quan hệ hợp tác truyền thống với Việt Nam như Lào, Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản. NHNN tích cực thiết lập quan hệ với NHTW, cơ quan giám sát ngân hàng tại các khu vực tiềm năng mà Chính phủ có định hướng đẩy mạnh quan hệ thương mại, đầu tư như Trung Đông, châu Phi... với các sự kiện nổi bật như Hội nghị Song phương cấp cao năm 2019 với Ngân hàng CHDCND Lào, Ngân hàng Quốc gia Campuchia, NHTW Thái Lan; Đề án Hỗ trợ sau đại học của NHNN cho Ngân hàng CHDCND Lào và Campuchia; khảo sát để thực hiện hỗ trợ tư vấn tái cơ cấu cho Ngân hàng Phát triển Nông thôn Lào; tham gia thảo luận về nội dung thanh toán trong giao dịch thương mại và đầu tư trong khuôn khổ hội nghị gặp mặt các Đại sứ các nước Trung Đông-châu Phi tháng 9/2019...

Trong năm 2019, NHNN đã rà soát và thực hiện sửa đổi/ký mới các thỏa thuận quốc tế nhằm tạo khuôn khổ hoặc thúc đẩy hợp tác giữa NHNN với cơ quan quản lý các nước trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm, gồm: Bản ghi nhớ về hợp tác và trao đổi thông tin trong lĩnh vực thanh tra giám sát ngân hàng giữa NHNN với Ủy ban Dịch vụ Tài chính Hàn Quốc (FSC) và Cơ quan Dịch vụ Giám sát Tài chính Hàn Quốc (FSS) - tháng 6/2019; Bản ghi nhớ về hợp tác và trao đổi thông tin trong lĩnh vực thanh tra giám sát ngân hàng và lĩnh vực đổi mới tài chính giữa NHNN với NHTW Thái Lan tháng 8/2019; Bản ghi nhớ hợp tác các hoạt động ngân hàng trọng tâm giai đoạn 2019-2024 giữa Ngân hàng CHDCND Lào và NHNN tháng 10/2019.

NHNN tiếp tục triển khai hiệu quả các sáng kiến/ thỏa thuận hợp tác đã được xây dựng với Trung Quốc, Nga. Trong quan hệ với Hoa Kỳ, NHNN đã tham gia tích cực vào quá trình xây dựng Báo cáo của các nước Đối tác Kinh tế Thương mại lớn của Hoa Kỳ; phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng phương án, kịch bản

“

Quan hệ hợp tác song phương tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh.

làm việc với Hoa Kỳ khi Việt Nam đáp ứng các tiêu chí của Hoa Kỳ khi xem xét một quốc gia thao túng tiền tệ, chủ động đề xuất giải pháp xử lý và hạn chế các tác động bất lợi khi Hoa Kỳ cập nhật Báo cáo chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Hoa Kỳ.

Ngoài ra, thông qua các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương của Chính phủ với các quốc gia trên thế giới, NHNN đã chủ động đề xuất các nội dung hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng để thiết lập cơ chế trao đổi thông tin về khuôn khổ pháp lý, thông tin thị trường nhằm hỗ trợ, khuyến khích các NHTM Việt Nam tìm hiểu, kết nối và thiết lập quan hệ đại lý tại thị trường các nước...



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 1/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 2/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 3/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 4/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 5/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 6/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 7/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 8/2019	6,25	4,25	7,25
Tháng 9/2019	6,00	4,00	7,00
Tháng 10/2019	6,00	4,00	7,00
Tháng 11/2019	6,00	4,00	7,00
Tháng 12/2019	6,00	4,00	7,00

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2019
Số phiên	253
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 21; 28
Số lượt thành viên	461
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.039
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.005
Lãi suất (%/năm)	4,75; 4,5; 4,0
Phương thức đấu thầu	Khối lượng
Chào bán	Năm 2019
Số phiên	152
Kỳ hạn (ngày)	7; 14
Số lượt thành viên	1.188
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	25.136
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	9.992
Lãi suất (%/năm)	2,25-3,0
Phương thức đấu thầu	Khối lượng

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC (*)

Đơn vị: %

TIỀN GỬI BẢNG VND (**)		TIỀN GỬI BẢNG NGOẠI TỆ			
Thời điểm bắt đầu hiệu lực	Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá	Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá			
	hàng giấy tờ có giá	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	TCTD khác
05/2011	3	1	5	6	4
06/2011	3	1	6	7	5
09/2011	3	1	7	8	1

(*) Không bao gồm QTDND, tổ chức tài chính vi mô áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0% đối với tất cả các loại tiền gửi; ngân hàng chính sách áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo quy định của Chính phủ.

(**) Các TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nêu trên theo quy định của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ CSTT để hỗ trợ TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn (hiện nay là Thông tư số 14/2018/TT-NHNN ngày 29/5/2018).

(***) Các TCTD hoạt động tại Việt Nam tính dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (TCTD thành lập và hoạt động tại nước ngoài) theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09/6/2003 của Thống đốc NHNN.

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2018	2019
A. CÁN CÂN VĂNG LAI	5.769	13.138
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	243.697	264.189
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	227.157	242.695
<i>Hàng hóa (ròng)</i>	<i>16.540</i>	<i>21.494</i>
Dịch vụ: Xuất khẩu	14.775	16.637
Dịch vụ: Nhập khẩu	18.585	19.116
<i>Dịch vụ (ròng)</i>	<i>-3.810</i>	<i>-2.479</i>
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	1.615	2.237
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	17.433	17.356
<i>Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)</i>	<i>-15.818</i>	<i>-15.119</i>
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	10.869	11.611
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	2.012	2.369
<i>Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)</i>	<i>8.857</i>	<i>9.242</i>
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu	0	0
Cán cân vốn: Chi	0	0
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	8.466	18.960
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-598	-450
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	15.500	16.120
<i>Đầu tư trực tiếp (ròng)</i>	<i>14.902</i>	<i>15.670</i>
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0	3
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	3.021	2.995
<i>Đầu tư gián tiếp (ròng)</i>	<i>3.021</i>	<i>2.998</i>
Đầu tư khác: Tài sản có	-11.143	-7.789
Tiền và tiền gửi	-10.804	-8.081
TCTD	-4.449	-4.346
Khu vực khác	-6.355	-3.735
Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	-339	292
Đầu tư khác: Tài sản nợ	1.686	8.081
Tiền và tiền gửi	-198	2.864
TCTD	-268	2.743
Khu vực khác	70	121
Vay, trả nợ nước ngoài	1.884	5.217
Ngắn hạn	-3.313	286
Rút vốn	20.712	18.385
Trả nợ gốc	-24.025	-18.099
Dài hạn	5.197	4.931
Rút vốn	12.956	13.030
Chính phủ	3.010	2.350
Tư nhân	9.946	10.680
Trả nợ gốc	-7.759	-8.099
Chính phủ	-1.570	-1.764
Tư nhân	-6.189	-6.335
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	0	0
<i>Đầu tư khác (ròng)</i>	<i>-9.457</i>	<i>292</i>
D. LỖI VÀ SAI SÓT	-8.204	-8.844
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	6.031	23.254
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	-6.031	-23.254
Tài sản dự trữ	-6.031	-23.254
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA USD VÀ VND

Đơn vị tính: VND/USD

Năm 2019	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	22.868	23.160	23.250	22.851	23.156	23.246
Tháng 2	22.915	23.150	23.250	22.903	23.154	23.251
Tháng 3	22.980	23.150	23.250	22.953	23.152	23.252
Tháng 4	23.028	23.230	23.330	22.997	23.166	23.266
Tháng 5	23.065	23.355	23.475	23.055	23.298	23.415
Tháng 6	23.066	23.260	23.380	23.060	23.285	23.405
Tháng 7	23.073	23.140	23.260	23.069	23.164	23.284
Tháng 8	23.133	23.130	23.250	23.115	23.148	23.268
Tháng 9	23.161	23.150	23.270	23.142	23.147	23.267
Tháng 10	23.145	23.150	23.270	23.155	23.144	23.264
Tháng 11	23.162	23.125	23.245	23.143	23.140	23.260
Tháng 12	23.155	23.110	23.230	23.162	23.113	23.233

Nguồn: NHNN

Ghi chú: Tỷ giá niêm yết như trên được hiểu là số lượng Đồng Việt Nam để đổi 1 đô-la Mỹ

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2019	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	37,00	36,65
Tháng 2	36,92	36,99
Tháng 3	36,48	36,63
Tháng 4	36,33	36,37
Tháng 5	36,40	36,30
Tháng 6	38,94	37,98
Tháng 7	39,73	39,21
Tháng 8	42,48	41,63
Tháng 9	41,72	42,03
Tháng 10	41,86	41,70
Tháng 11	41,28	41,48
Tháng 12	42,58	41,62

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2015	So với tháng 12 năm trước	-0,20	-0,25	-0,10	0,04	0,20	0,55	0,68	0,61	0,40	0,51	0,58	0,60
	So với tháng trước	-0,20	-0,05	0,15	0,14	0,16	0,35	0,13	-0,07	-0,21	0,11	0,07	0,02
	So với cùng kỳ	0,94	0,34	0,93	0,99	0,95	1,00	0,90	0,61	0,00	0,00	0,34	0,60
	Bình quân so với cùng kỳ	0,94	0,64	0,74	0,80	0,83	0,86	0,86	0,83	0,74	0,67	0,64	0,63
2016	So với tháng 12 năm trước	0,00	0,42	0,99	1,33	1,88	2,35	2,48	2,58	3,14	4,00	4,50	4,74
	So với tháng trước	0,00	0,42	0,57	0,33	0,54	0,46	0,13	0,10	0,54	0,83	0,48	0,23
	So với cùng kỳ	0,80	1,27	1,69	1,89	2,28	2,40	2,39	2,57	3,34	4,09	4,52	4,74
	Bình quân so với cùng kỳ	0,80	1,03	1,25	1,41	1,59	1,72	1,82	1,91	2,07	2,27	2,47	2,66
2017	So với tháng 12 năm trước	0,46	0,69	0,90	0,90	0,37	0,20	0,31	1,23	1,83	2,25	2,38	2,60
	So với tháng trước	0,46	0,23	0,21	0,00	-0,53	-0,17	0,11	0,92	0,59	0,41	0,13	0,21
	So với cùng kỳ	5,22	5,02	4,65	4,30	3,19	2,54	2,52	3,35	3,40	2,98	2,62	2,60
	Bình quân so với cùng kỳ	5,22	5,12	4,96	4,80	4,47	4,15	3,91	3,84	3,79	3,71	3,61	3,53
2018	So với tháng 12 năm trước	0,51	1,24	0,97	1,05	1,61	2,22	2,13	2,59	3,20	3,54	3,24	2,98
	So với tháng trước	0,51	0,73	-0,27	0,08	0,55	0,61	-0,09	0,45	0,59	0,33	-0,29	-0,25
	So với cùng kỳ	2,65	3,15	2,66	2,75	3,86	4,67	4,46	3,98	3,98	3,89	3,46	2,98
	Bình quân so với cùng kỳ	2,65	2,90	2,82	2,80	3,01	3,29	3,45	3,52	3,57	3,60	3,59	3,54
2019	So với tháng 12 năm trước	0,10	0,90	0,69	1,00	1,50	1,41	1,59	1,87	2,20	2,79	3,78	5,23
	So với tháng trước	0,10	0,80	-0,21	0,31	0,49	-0,09	0,18	0,28	0,32	0,59	0,96	1,40
	So với cùng kỳ	2,56	2,64	2,70	2,93	2,88	2,16	2,44	2,26	1,98	2,24	3,52	5,23
	Bình quân so với cùng kỳ	2,56	2,60	2,63	2,71	2,74	2,64	2,61	2,57	2,50	2,48	2,57	2,79

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2018	QI/2019	QII/2019	QIII/2019	2019
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	9.211.848	9.478.157	9.866.484	10.083.735	10.573.725
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	8.126.830	8.314.934	8.729.610	8.951.868	9.375.630
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	7.211.175	7.437.086	7.742.083	7.888.910	8.195.393
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	12,41	2,89	7,11	9,46	14,78
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	12,61	2,31	7,42	10,15	15,37
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	13,89	3,13	7,36	9,40	13,65

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2011	2.779.880	6,24	31.640
2012	3.245.419	5,25	36.544
2013	3.584.262	5,42	39.932
2014	3.937.856	5,98	43.402
2015	4.192.862	6,68	45.462
2016	4.502.733	6,21	48.286
2017	5.005.975	6,81	53.094
2018	5.542.332	7,08	58.105
2019	6.037.348	7,02	62.574

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

